

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH

“ Công Thanh mang lại thành công ”



 **Địa chỉ:** Thôn Tam Sơn, Xã Tân Trường, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

 **Số điện thoại:** 0273-977-502

 **Số Fax:** 0273-977-503

 **Website:** www.congthanhgroup.com

2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH



MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

01

Thông tin khái quát	7
Quá trình hình thành và phát triển	9
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	13
Định hướng phát triển	15
Các yếu tố rủi ro	17

02

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	23
Tổ chức và nhân sự	24
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	31
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	31
Tình hình tài chính	33
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	36

03

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	41
Tình hình tài chính	44
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	45
Kế hoạch phát triển trong tương lai	46
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	49

04

PHẦN 4 : ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	53
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	54
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	55

05

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	59
Ban Kiểm soát	61
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	62

06

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán	65
-----------------------------	----

PHẦN 1 THÔNG TIN CHUNG

- 07 Thông tin khái quát
- 09 Quá trình hình thành và phát triển
- 11 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 13 Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- 15 Định hướng phát triển
- 17 Các yếu tố rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH

Tên tiếng Anh : CONG THANH CEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : CONG THANH J.S.C

Mã cổ phiếu : CTL

Giấy chứng nhận ĐKDN số : 0304186356 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 23/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 15/03/2023

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 900.000.000.000 đồng

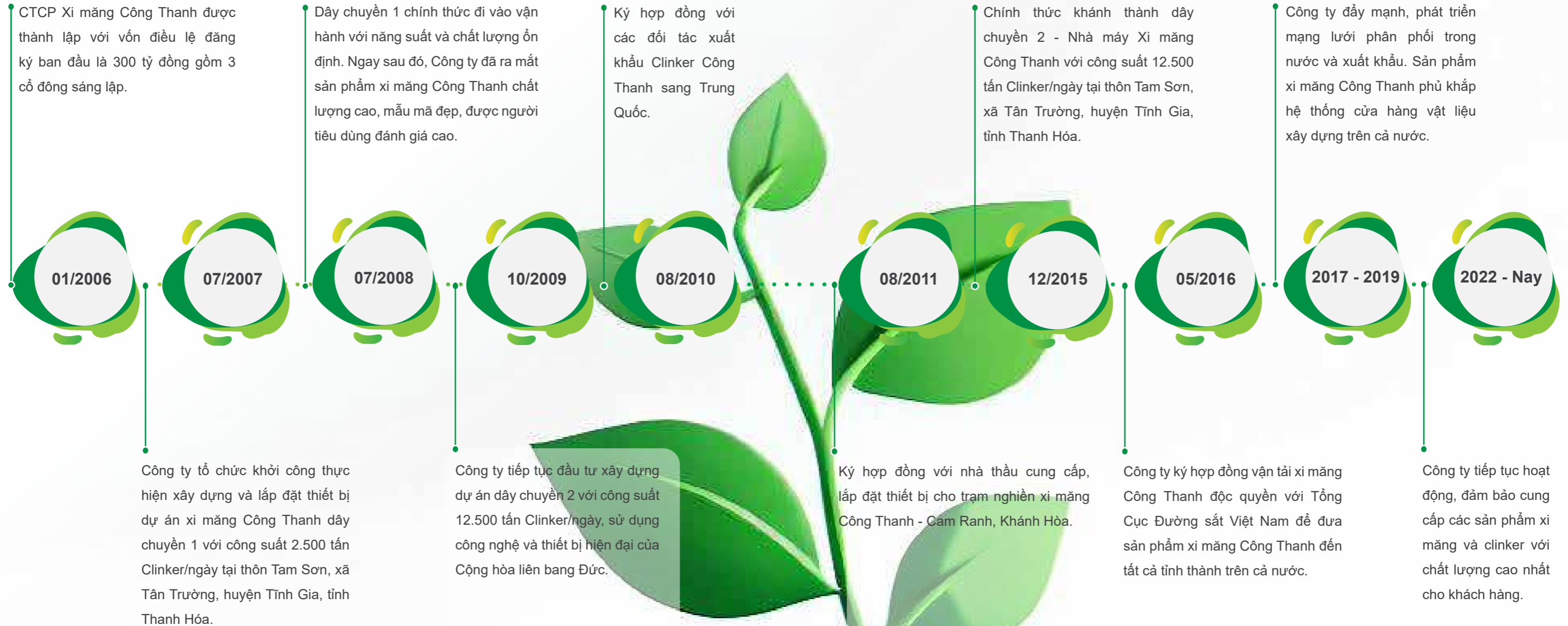
Địa chỉ : Thôn Tam Sơn, Xã Tân Trường, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại : 0273-977-502

Số fax : 0273-977-503

Website : www.congthanhgroup.com

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



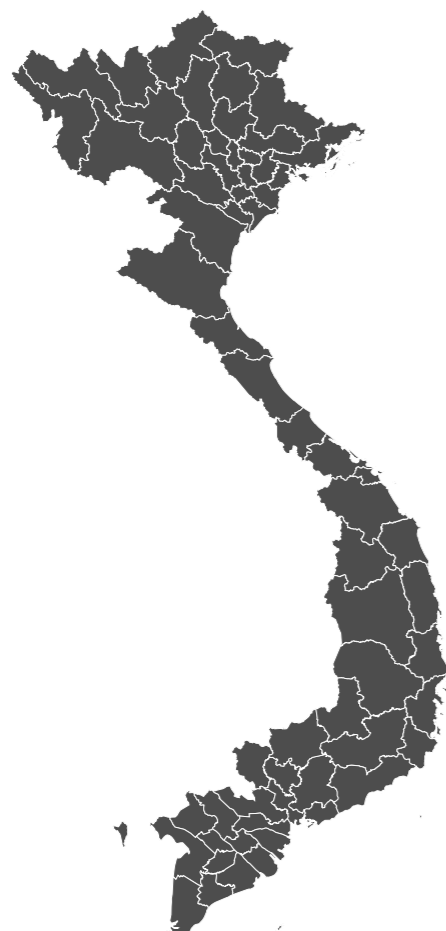
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Miền Bắc: Gồm 25 tỉnh miền Bắc Việt Nam;
- Miền Trung: Thanh Hóa, từ Quảng Bình đến Ninh Thuận và 5 tỉnh Tây Nguyên;
- Miền Đông Nam Bộ: Gồm 7 tỉnh miền Đông Nam Bộ và tất cả các Quận huyện của TP.HCM;
- Miền Tây Nam Bộ: Gồm 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ.



QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

SẢN PHẨM CHÍNH

Xi măng

Các sản phẩm Xi măng Công Thanh đa dạng về chủng loại và chất lượng. Các sản phẩm chủ lực Xi măng Công Thanh PCB30 và PCB40 với độ mịn cao, phát triển cường độ sớm, đáp ứng mọi điều kiện thi công, sản phẩm Xi măng xá công nghiệp phù hợp cung cấp cho các đơn vị sản xuất bê tông chất lượng cao, bê tông chuyên dụng cho các dự án. Sản phẩm xi măng Công Thanh đáp ứng quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và TCVN 6260:2009. Các sản phẩm xi măng bao gồm:

- Xi măng Portland Công Thanh đa dụng PCB40, dân dụng PCB40
- Xi măng Portland PC30, PC40 và PC50
- Xi măng Công Thanh Bền Sunphat PCB40
- Xi măng Portland hỗn hợp ít tỏa nhiệt
- Các sản phẩm xi măng khác đạt các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của khách hàng quốc tế (như Type I, Type IP) nhằm phù hợp với từng tiêu chuẩn quốc gia và hạng mục công trình.



CLINKER PC50

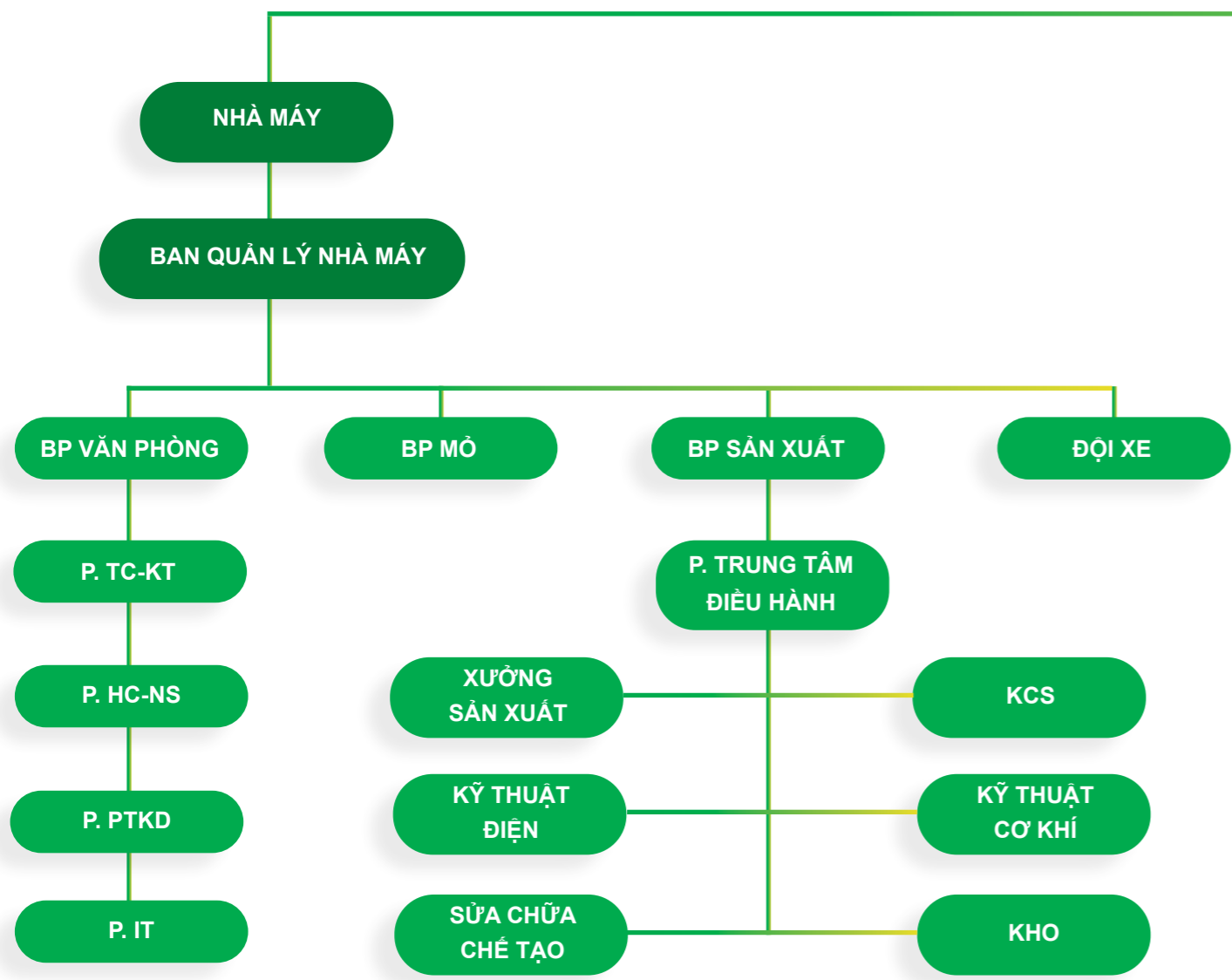
Hiện Công ty đã xuất khẩu được clinker ra thị trường nước ngoài. Công ty phấn đấu trở thành một trong những nhà cung cấp clinker hàng đầu Việt Nam, đẩy mạnh hơn nữa mạng lưới tiêu thụ khu vực miền Nam và thị trường xuất khẩu, khu vực có nhu cầu lớn về clinker.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Trở thành một trong những nhà cung cấp xi măng và clinker hàng đầu Việt Nam, phát triển thành Tập đoàn kinh tế năng động, phát triển bền vững, đưa thương hiệu của mình ra các nước trên thế giới;

Không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh, đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm thúc đẩy sự phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh, tiếp thu cách thức quản lý của các nước phát triển trên thế giới;

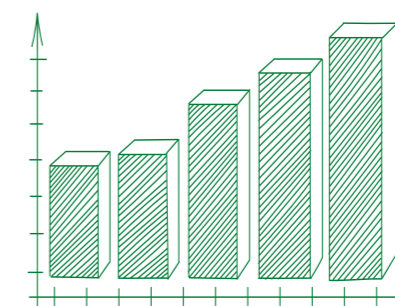
Ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm để nâng cao uy tín của công ty;

Chuẩn hóa quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn môi trường quốc tế về bảo vệ môi trường, giúp hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm môi trường.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Tăng cường quảng bá thương hiệu, hình ảnh một cách phù hợp, đặc biệt trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới thông qua các công nghệ tiên tiến. Việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm trong giai đoạn này rất quan trọng, giúp tăng sản lượng, quy mô và thu hút khách hàng.
- ✓ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị doanh nghiệp.
- ✓ Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ công nhân viên Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

“Với định hướng “Mang lại thành công”, Công ty luôn nhận thức và chịu trách nhiệm liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng trong công tác quản lý và vận hành.”

- ✓ **Mục tiêu đối với môi trường:** Giảm thiểu lượng phát thải ra môi trường trong quá trình sản xuất; tuân thủ các quy định về xử lý, tái chế chất thải nhằm hạn chế tác động và bảo vệ môi trường.
- ✓ **Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:** Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm cho công nhân viên; xây dựng môi trường làm việc đảm bảo an toàn cho người lao động; Quan tâm đến công tác thu gom, xử lý chất thải để đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế toàn cầu đang dần phục hồi sau 3 năm chịu cú sốc từ đại dịch Covid-19, xung đột Nga – Ukraine và khủng hoảng về giá cả hàng hoá. Tuy nhiên, sự phục hồi vẫn còn khá chậm và có sự phân kỳ rõ rệt giữa các vùng, các quốc gia. Các hoạt động kinh tế vẫn ảm đạm so với thời điểm trước dịch, đặc biệt là ở các quốc gia mới nổi và đang phát triển.

Tăng trưởng GDP cả năm 2023 đạt 5,05%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%. Trong đó, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2023 chỉ tăng 3,02% so với năm trước, là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011 – 2023.

Theo Hiệp hội Xi măng Việt Nam, năm 2023, cả nước sản xuất và tiêu thụ gần 88,6 triệu tấn xi măng và clinker, đạt gần 79% năng lực sản xuất của 83 dây chuyền, khoảng 70% năng lực thực tế. Tiêu thụ xi măng nội địa năm 2023 đạt 57,083 triệu tấn, bằng 84,3% tiêu thụ nội địa năm 2022.

Trước những tác động tiêu cực từ thị trường, Công ty đã chủ động theo dõi diễn biến vĩ mô của nền kinh tế, đồng thời triển khai các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro và tổn thất.

RỦI RO CẠNH TRANH

Theo Hiệp hội Xi măng Việt Nam cho biết nguồn cung xi măng hiện nay đã vượt xa so với nhu cầu, đưa mức dư cung càng nói rộng thêm, trong khi tiêu thụ xi măng tại thị trường nội địa chưa có nhiều dấu hiệu khả quan. Dư thừa xi măng tiếp tục dẫn tới cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong bối cảnh các đơn vị sản xuất xi măng đứng trước áp lực phải tiêu thụ sản phẩm, nhiều đơn vị phải thực hiện dừng lò nung/giảm năng suất chạy lò.

Kênh xuất khẩu nhiều năm giải quyết đầu ra 40-45 triệu tấn cho ngành cũng suy giảm nghiêm trọng. Các nước nhập khẩu xi măng, clinker chính của Việt Nam như Bangladesh, Philippines tiếp tục thực hiện nhiều chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, dựng hàng rào kỹ thuật thương mại. Trong đó, tại Philippines bị áp thuế chống bán phá giá đối với xi măng, Trung Quốc chưa gia tăng nhu cầu nhập clinker. Từ ngày 1/1/2023, Việt Nam áp thuế xuất khẩu clinker từ mức 5% lên mức 10% (theo Nghị định số 101/2021/ NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ).

Trước những khó khăn này, Công ty đã chủ động bám sát tình hình thị trường để điều chỉnh giá bán và chính sách bán hàng linh hoạt cho phù hợp với thực tế thị trường.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Rủi ro giá nguyên vật liệu đầu vào là một trong những rủi ro quan trọng nhất mà các doanh nghiệp sản xuất xi măng phải đối mặt. Nguyên liệu đầu vào chính của xi măng bao gồm đá vôi, đất sét, than,... Giá cả của các nguyên liệu này có thể biến động mạnh do nhiều yếu tố như giá cả thế giới, tình hình kinh tế, chính trị,...

Theo đại diện Hiệp hội Xi măng Việt Nam (VNCA), giai đoạn 2020 đến nay đã đánh dấu tác động lớn với ngành xi măng. Giá điện, than và các nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đồng loạt phi mã, có thời điểm giá than tăng gấp 3 lần, ảnh hưởng nhiều tới doanh nghiệp. Đến thời điểm này, một số nguyên liệu đã hạ nhiệt song vẫn ở mặt bằng khá cao so với trước đây.

Việc chi phí đầu vào tăng cao đã kéo theo giá bán xi măng tăng theo. Tuy nhiên, mức tăng trưởng của giá xi măng không thể bù đắp được mức tăng của chi phí đầu vào, khiến doanh thu và lợi nhuận của Công ty bị giảm sút nghiêm trọng.

Để khắc phục tình trạng này, Công ty kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu.



RỦI RO PHÁP LUẬT

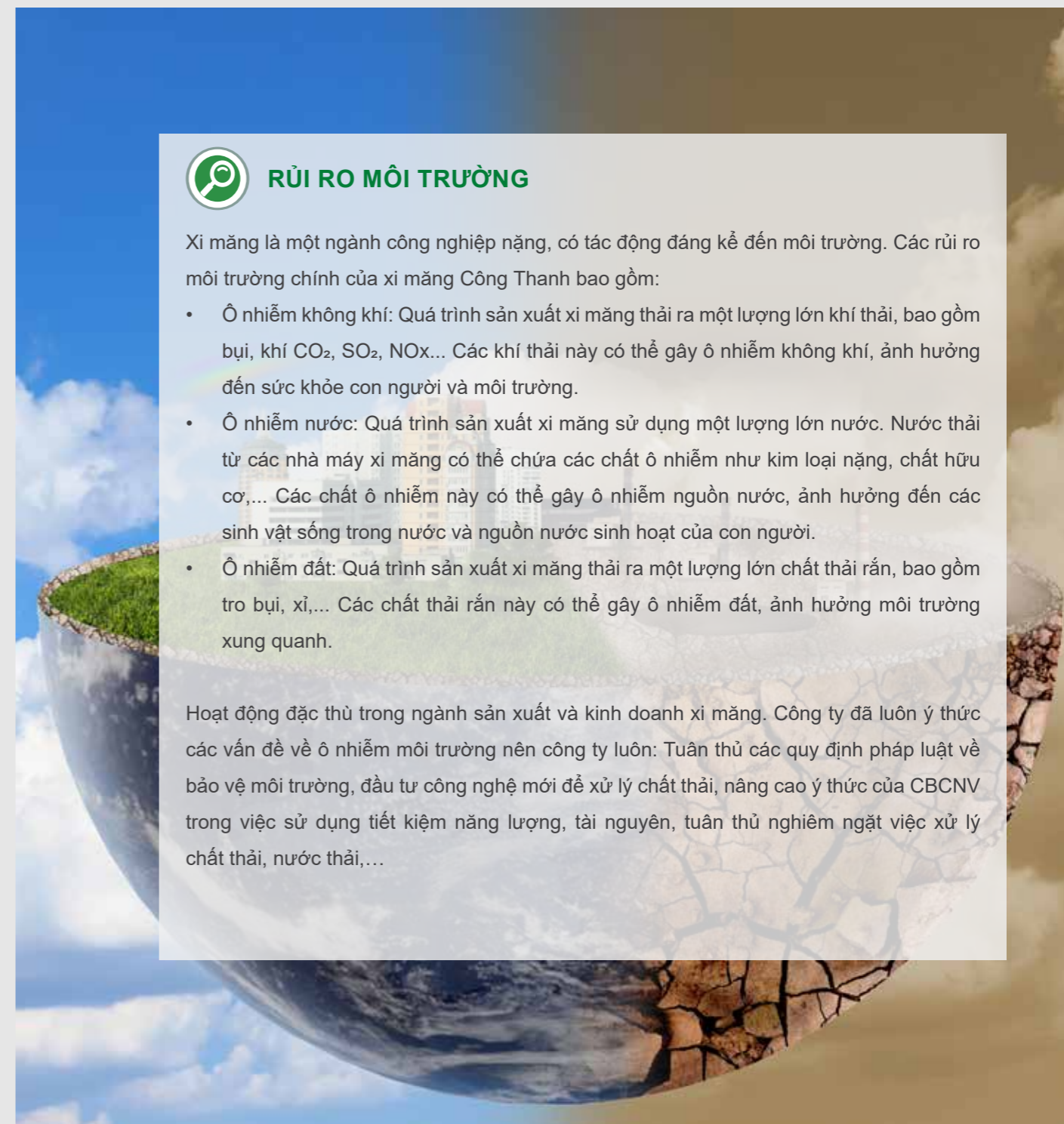
Các hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự kiểm soát và tác động của nhiều luật, quy định, quy chế, trong đó có Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Lao động, ... Các văn bản pháp luật này thường xuyên được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình hiện tại. Điều đó gây nên khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp dụng, tuân thủ các quy định vào hoạt động thực tế của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro pháp lý, Công ty luôn tìm hiểu, nghiên cứu, theo dõi các sửa đổi, bổ sung của các văn bản pháp lý để kịp thời đưa ra các chiến lược phù hợp.

RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, dịch bệnh, cháy nổ... có khả năng xảy ra thấp, khó có thể dự báo nhưng một khi xảy ra thì hậu quả để lại rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để phòng ngừa rủi ro, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp, bao gồm nâng cao nhận thức và tổ chức định kỳ các buổi tập huấn về cháy nổ cho công nhân viên; mua sắm các dụng cụ, đồ bảo hộ an toàn lao động cho người lao động an tâm làm việc.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Xi măng là một ngành công nghiệp nặng, có tác động đáng kể đến môi trường. Các rủi ro môi trường chính của xi măng Công Thanh bao gồm:

- Ô nhiễm không khí: Quá trình sản xuất xi măng thải ra một lượng lớn khí thải, bao gồm bụi, khí CO₂, SO₂, NOx... Các khí thải này có thể gây ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường.
- Ô nhiễm nước: Quá trình sản xuất xi măng sử dụng một lượng lớn nước. Nước thải từ các nhà máy xi măng có thể chứa các chất ô nhiễm như kim loại nặng, chất hữu cơ,... Các chất ô nhiễm này có thể gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến các sinh vật sống trong nước và nguồn nước sinh hoạt của con người.
- Ô nhiễm đất: Quá trình sản xuất xi măng thải ra một lượng lớn chất thải rắn, bao gồm tro bụi, xỉ,... Các chất thải rắn này có thể gây ô nhiễm đất, ảnh hưởng môi trường xung quanh.

Hoạt động đặc thù trong ngành sản xuất và kinh doanh xi măng. Công ty đã luôn ý thức các vấn đề về ô nhiễm môi trường nên công ty luôn: Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư công nghệ mới để xử lý chất thải, nâng cao ý thức của CBCNV trong việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, tuân thủ nghiêm ngặt việc xử lý chất thải, nước thải,...

PHẦN 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

23 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

24 Tổ chức và nhân sự

31 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

31 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

33 Tình hình tài chính

36 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023 vừa qua, ngành xi măng Việt Nam trải qua một năm đầy khó khăn, tình hình sản xuất và tiêu thụ gần 88,6 triệu tấn xi măng và clinker/công suất thiết kế 112,5 triệu tấn/năm. Do dư thừa xi măng nên dẫn tới cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong bối cảnh các đơn vị sản xuất xi măng đứng trước áp lực phải tiêu thụ sản phẩm, nhiều đơn vị phải thực hiện dừng lò nung/giảm năng suất chạy lò. Một số dây chuyền xi măng dừng lò, kết hợp sửa chữa thiết bị, cũng để giảm tải áp lực về tiêu thụ khi thị trường xi măng trong nước và xuất khẩu còn trầm lắng.

Tiêu thụ xi măng chững lại do chu kỳ đi xuống của thị trường bất động sản, cộng với việc giải ngân vốn đầu tư các công trình công còn chậm, khiến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xi măng bị ảnh hưởng đáng kể.

Theo đó kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm cũng ghi nhận nhiều biến động cụ thể:

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	% tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022	% Hoàn thành kế hoạch
Doanh thu thuần	1.595.678	483.408	1.926.000	-69,71%	25,10%
EBITDA	-51.139	-94.845	326.300	85,46%	N/A

- Doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 483,41 tỷ đồng, giảm 69,71% so với năm 2022, đạt 25,10% so với kế hoạch năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBITDA) ghi nhận lỗ 94,85 tỷ đồng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

STT	Thành viên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
II	Ban Kiểm soát	
1	Bà Lê Diễm Phương	Trưởng BKS
2	Bà Ngô Thị Sơn Ca	Thành viên BKS
3	Bà Trịnh Thị Hạnh	Thành viên BKS
III	Ban Điều hành	
1	Bà Nguyễn Thị Hoàng Thi	Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
4	Ông Trà Minh Hoan	Kế toán trưởng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN CÔNG LÝ - CHỦ TỊCH HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

ÔNG PHẠM ĐỨC HÙNG - THÀNH VIÊN HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

ÔNG NGUYỄN TUẤN ANH - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BÀ LÊ DIỄM PHƯƠNG - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

BÀ NGÔ THỊ SƠN CA - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Tài chính

BÀ TRỊNH THỊ HẠNH - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT

Không có.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ NGUYỄN THỊ HOÀNG THI - TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

BÀ NGUYỄN THỊ DẠ THẢO - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

ÔNG TRẦN MINH HOAN - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Thông tin lý lịch của Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD vui lòng xem tại thông tin giới thiệu Hội đồng quản trị.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2023 (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	222	100%
1	Đại học và trên Đại học	42	18,92%
2	Cao đẳng	49	22,07%
3	Trung cấp	76	34,23%
4	Công nhân kỹ thuật	-	-
5	Lao động phổ thông	55	24,77%
B	Theo thời hạn hợp đồng lao động	222	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	194	87,39%
2	Hợp đồng xác định (từ 1-3 năm)	28	12,61%
C	Theo giới tính	222	100%
1	Nam	193	86,94%
2	Nữ	29	13,06%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Công Thanh luôn nỗ lực tạo môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng và thân thiện, nơi mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và sáng tạo. Công ty cam kết đảm bảo trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ, tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn và quy định về an toàn lao động.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công ty luôn ưu tiên xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao. Quá trình tuyển dụng diễn ra công bằng, minh bạch, được công bố rộng rãi trên các kênh truyền thông và website của Công ty với tiêu chí tuyển dụng rõ ràng. Việc tuyển dụng nhân sự được thực hiện theo định biên lao động do HĐQT phê duyệt và quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Công Thanh luôn đề cao đào tạo để phát huy tiềm năng nhân sự. Người lao động được trau dồi chuyên môn, an toàn định kỳ, nâng cao kiến thức, kỹ năng nhằm nâng cao tay nghề, trình độ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Công ty chú trọng tự đào tạo, đào tạo tại chỗ, khuyến khích cán bộ trẻ nâng cao trình độ. Mục tiêu đào tạo là: chuyên môn nghiệp vụ giỏi, đạo đức chuẩn mực, phong cách làm việc chuyên nghiệp, tâm huyết với nghề. Chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự được thực hiện hợp lý, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh từng thời điểm.

VỀ LƯƠNG, THƯỜNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Công ty xây dựng quy chế quản lý tiền lương phù hợp với vị trí công việc và xu hướng thị trường lao động. Chính sách lương dựa trên vị trí, năng lực và thành tích công việc, góp phần gia tăng động lực và khuyến khích người lao động cống hiến. Chính sách lương liên tục được hoàn thiện theo nguyên tắc công bằng, hợp lý giữa các chức danh. Nhằm khích lệ cán bộ công nhân viên nâng cao hiệu quả đóng góp, Công ty áp dụng các chính sách thưởng đa dạng như thưởng định kỳ (lễ Tết,...), thưởng cá nhân, tập thể. Xét thưởng gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ, hoạt động văn nghệ - thể thao, du lịch nghỉ dưỡng,... nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	602	525	222
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.000.000	10.243.262	10.243.262

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

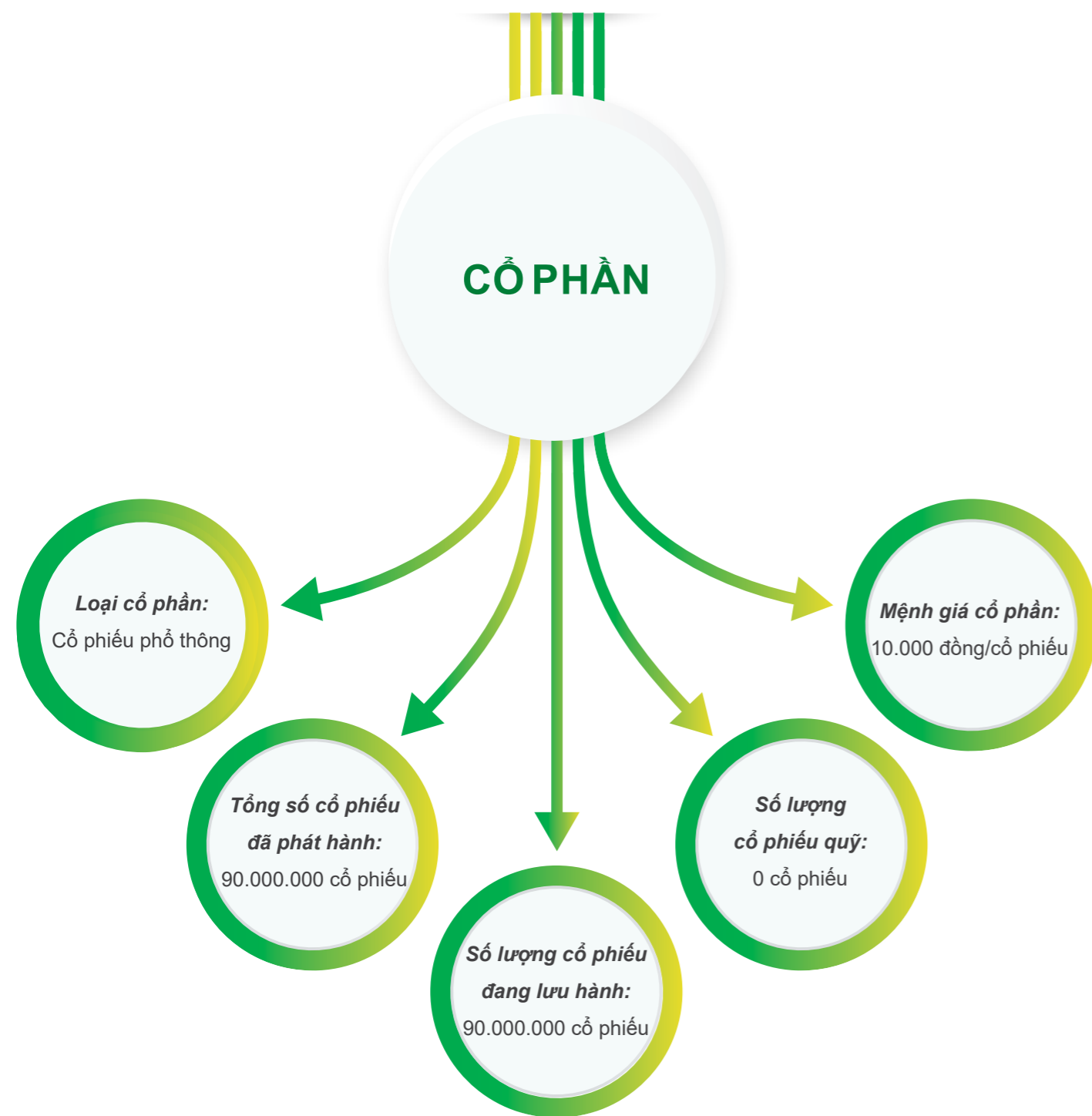
CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm, Công ty thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư để chuẩn bị nguồn lực cho định hướng kinh doanh mới, theo đó Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn trong năm 2023.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 31/03/2024

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	0,00%
II	Cổ đông trong nước	1.044	84.907.400	94,34%
1	Cá nhân	1.041	75.867.400	84,30%
2	Tổ chức	3	9.040.000	10,04%
III	Cổ đông nước ngoài	5	5.092.600	5,66%
1	Cá nhân	4	590.600	0,66%
2	Tổ chức	1	4.502.000	5,00%
TỔNG CỘNG		1.049	90.000.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Công ty đang thực hiện rà soát tỷ lệ SHNN theo quy định hiện hành.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu
1	Công ty CP Tấm lợp VLXD Đồng Nai	9.000.000
2	Financiere Lafarge	4.502.000
3	Nguyễn Công Lý	51.481.827

- TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:** Không có.
- GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:** Không có.
- CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:** Không có.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022
1	Tổng tài sản	11.999.811	12.318.446	-2,59%
2	Doanh thu thuần	483.408	1.595.678	-69,71%
3	EBITDA	-94.845	-51.139	85,46%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,20	0,24
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,14	0,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	158,38	142,05
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-	-
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,04	0,13
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	-	-



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh xi măng, mối quan tâm lớn nhất của Ban lãnh đạo Công ty là lượng phát thải trong quá trình sản xuất. Nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính trực tiếp, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp như:

- Tính toán hợp lý số lượng sản xuất để tối ưu hóa hoạt động, tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng.
- Đầu tư vào thiết bị, máy móc hiện đại giúp tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu phát thải bụi.
- Chú trọng kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo hoạt động hiệu quả và giảm thiểu hao mòn.

Lượng khí thải bụi và CO₂ được kiểm soát chặt chẽ, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao uy tín của Công ty. Công ty cam kết tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty yêu cầu các văn phòng, nhà máy định kỳ báo cáo tình hình sử dụng năng lượng nhằm theo dõi mức tiêu thụ chung. Việc theo dõi này đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh tuân thủ quy định, định mức năng lượng, góp phần tối ưu hóa hiệu quả hệ thống vận hành và tiết kiệm năng lượng. Song song, công ty thường xuyên tổ chức truyền thông nội bộ nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên. Nhờ vậy, toàn thể nhân viên luôn nêu cao tinh thần tiết kiệm năng lượng, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững của công ty.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển đất nước và nâng cao đời sống của người dân, nhưng nó cũng tiềm ẩn nguy cơ gây hại cho môi trường. Việc khai thác tài nguyên quá mức, sử dụng năng lượng không hiệu quả và xả thải bừa bãi có thể dẫn đến tình trạng khan hiếm tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Đây là mục tiêu chung của cả Chính phủ, doanh nghiệp và người dân.

Xi măng Công Thanh luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất. Quá trình sản xuất xi măng bao gồm các nguyên vật liệu đầu vào như than, đá vôi, đất sét,... đây đều là các tài nguyên thiên nhiên hữu hạn. Việc sử dụng nguyên liệu hiệu quả không chỉ giúp tiết kiệm chi phí sản xuất mà còn góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Để tránh gây lãng phí nguyên vật liệu, Công ty thường xuyên đánh giá, dự kiến mức nguyên vật liệu sẽ sử dụng trong quá trình sản xuất, tránh tồn kho quá nhiều gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng cải tiến máy móc hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty cam kết tuân thủ tất cả các quy chế, quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển môi trường bền vững. Năm 2023, tại Công Thanh đã không xảy ra trường hợp vi phạm pháp luật nào về môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty coi người lao động là tài sản quý giá, thực hiện đầy đủ chế độ đãi ngộ theo quy định và tổ chức nhiều hoạt động phúc lợi cho CBCNV. Định kỳ mua bảo hiểm, khám sức khỏe, cung cấp đồng phục, tổ chức du lịch, nghỉ dưỡng, thưởng Lễ Tết, thưởng tháng lương 13.

Công ty đặc biệt quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: xây dựng chính sách đào tạo bài bản, đảm bảo số giờ đào tạo theo quy định, cập nhật chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục. Nhờ vậy, môi trường làm việc chuyên nghiệp, thu hút và giữ chân nhân tài, góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương nơi hoạt động. Chúng tôi thực hiện nhiều hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ và phát triển cộng đồng, bao gồm:

- Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình chính sách, thương binh liệt sĩ.
- Đóng góp vào các quỹ từ thiện địa phương.
- Tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương.

Công ty luôn cam kết và có trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển kinh tế, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương.

Với những gì đã đạt được trong những năm qua, Công Thanh luôn cố gắng gìn giữ và tiếp tục phát triển, thực hiện những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Là một doanh nghiệp có trách nhiệm, Công ty luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thị trường vốn xanh. Chúng tôi cũng tích cực tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững lâu dài.

PHẦN 3 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 41 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 44 Tình hình tài chính
- 45 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 46 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 49 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH CHUNG

Tăng trưởng GDP

Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, GDP của Việt Nam năm 2023 đạt 5,05%, vượt cao hơn so với tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong bối cảnh kinh tế chịu tác động chưa từng có từ bên ngoài và những vấn đề nội tại. Chính phủ thời gian qua liên tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Chính sách tiền tệ

Về diễn biến tỷ giá USD/VND, sau một thời gian tỷ giá được kiểm soát tương đối ổn định, trước sức ép từ nhiều hướng, từ giữa tháng 8/2023, tỷ giá VND/USD tăng mạnh, tỷ giá trung tâm vượt 24.000 VND/USD, tỷ giá bán ra tại các ngân hàng thương mại đã vượt mốc 24.400 VND. Đến ngày 31/12/2023, tỷ giá niêm yết của các ngân hàng đang dao động quanh mức 24.405 - 24.200 VND/USD. Dự báo đây chưa phải là điểm dừng, và dự kiến sang năm 2024, tỷ giá có thể tiếp tục đà tăng khi VND chịu áp lực từ thị trường ngoại hối toàn cầu. Do đó, việc Ngân hàng nhà nước phải tiếp tục can thiệp để kiểm soát tỷ giá thông qua việc điều chỉnh lãi suất là khó tránh khỏi.



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

CPI Việt Nam bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với cùng kỳ, là kết quả của sự nỗ lực của chính phủ và các bộ ngành, duy trì ổn định CPI theo kế hoạch kiểm soát lạm phát của Chính phủ (không vượt 4%/năm).

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2023

Môi trường kinh doanh

Năm 2023 là một năm tiếp tục có nhiều biến động về nền kinh tế trong nước, ngành sản xuất vật liệu xây dựng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tiêu thụ xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều giảm do chịu tác động từ suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai, thậm chí phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn về nguồn vốn, giải ngân vốn đầu tư công chưa thuận lợi. Cùng đó, thị trường bất động sản dự báo tiếp tục trầm lắng và tăng trưởng âm, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối, nguồn cung vượt cao so với nhu cầu.

Xuất khẩu kém khả quan

Trong năm 2023, xuất khẩu xi măng, clinker tiếp tục gặp khó do thị trường bất động sản Trung Quốc chưa có dấu hiệu phục hồi; xi măng của Trung Quốc dư thừa sẽ cạnh tranh với xi măng Việt Nam vào các thị trường như Philippines, Trung Mỹ, Nam Phi... thêm vào đó, từ tháng 10/2023, châu Âu bắt đầu triển khai cơ chế điều chỉnh biên giới carbon đối với xi măng nhập khẩu, sẽ là thách thức lớn với doanh nghiệp xuất khẩu xi măng sang châu Âu.

Tiêu thụ trong nước tăng trưởng chậm

Năm 2023, cả nước sản xuất và tiêu thụ gần 88,6 triệu tấn xi măng và clinker, đạt gần 79% năng lực sản xuất của 83 dây chuyền, khoảng 70% năng lực thực tế. Tiêu thụ xi măng nội địa năm 2023 đạt 57,083 triệu tấn, bằng 84,3% tiêu thụ nội địa năm 2022.

Chi phí đầu vào tăng mạnh

Giai đoạn này, ngành xi măng đang chịu áp lực lớn, khi khả năng hấp thụ xi măng của nền kinh tế trong nước kém. Giá điện, than và các nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng, có thời điểm giá than tăng gấp 3 lần; năm 2023, giá bán lẻ điện bình quân tăng 7,5%.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023			Thực hiện năm 2022	% Tăng giảm năm 2023/2022
		Kế hoạch	Thực hiện	%TH /KH		
Sản lượng sản xuất	Tấn	2.606.978	686.619	26,34%	2.053.681	-66,57%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	2.159.540	623.267	28,86%	1.740.633	-64,19%
+ Nội địa	Tấn	911.390	476.433	52,28%	917.310	-48,06%
+ Xuất khẩu	Tấn	1.248.150	146.834	11,76%	823.323	-82,17%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.925.947	483.408	25,10%	1.595.678	-69,71%
EBITDA	Triệu đồng	326.300	-94.845	N/A	-51.139	85,46%

Trong bối cảnh thị trường xi măng trong nước có nhiều biến động, nguồn cung vượt cầu, nhu cầu tiêu thụ xi măng thấp do suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai; Thị trường xuất khẩu xi măng, clinker gặp nhiều khó khăn, giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất xi măng như than, thạch cao, phụ gia, xăng dầu,... liên tục tăng cao ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty. Với quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ và HĐQT đặt ra. Ban Tổng Giám đốc đã phát huy vai trò, bám sát tình hình thực tế, chủ động, linh hoạt, tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, ổn định thu nhập cho người lao động. Theo đó, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 như sau:

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2023 lần lượt đạt 26,34% và 28,86% so với kế hoạch đề ra.
- Doanh thu thuần đạt 483,41 tỷ đồng giảm 69,71% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 25,10% so với kế hoạch năm 2022.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước Thuế và Lãi vay (EBITDA) ghi nhận mức lỗ so với cùng kỳ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2022		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	712.248	5,94%	745.137	6,05%	-4,41%
Tài sản dài hạn	11.287.563	94,06%	11.573.309	93,95%	-2,47%
Tổng tài sản	11.999.811	100,00%	12.318.446	100,00%	-2,59%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2022		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	3.495.776	18,39%	3.095.968	17,69%	12,91%
Nợ dài hạn	15.509.681	81,61%	14.402.350	82,31%	7,69%
Nợ phải trả	19.005.457	100,00%	17.498.318	100,00%	8,61%

Mặc dù tình hình tài chính còn nhiều khó khăn nhưng trong năm Công ty đã đảm bảo cân đối nguồn vốn sản xuất kinh doanh và đầu tư. Công ty luôn tích cực theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ bán hàng, giảm dư nợ vay ngân hàng. Đồng thời đàm phán lại lãi suất vay vốn để từ đó giảm lãi vay ngắn hạn, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác sản xuất

- Các thiết bị nghiền xi măng, nghiền than,... hoạt động tương đối ổn định, phát huy năng suất, hiệu quả.
- Tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu thay thế (tro bay, xỉ,...) trong sản xuất xi măng và clinker nhằm tiết kiệm và hạ giá thành sản xuất.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp giảm tiêu hao trong sản xuất (đặc biệt là giảm tiêu hao nhiệt), hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, thân thiện môi trường.

Cơ cấu tổ chức

- Công Thanh đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, các phòng ban trong Công ty được quy định rõ ràng đối với từng nhiệm vụ và chức năng, nhân sự được sắp xếp, phân chia công việc phù hợp với năng lực của mình. Điều này giúp công tác phối hợp hoạt động giữa các phòng/ban được kịp thời đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao.
- Tăng cường công tác tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự phù hợp cho các phòng ban để phục vụ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh trong điều kiện mới.



Về công tác tiêu thụ

- Ở thị trường nội địa, Ban Tổng giám đốc vẫn duy trì chủ trương chỉ đạo bộ phận kinh doanh liên tục rà soát, tinh chỉnh và áp dụng hiệu quả chính sách giá, chính sách bán hàng, hậu mãi và các giải pháp khác để bám sát diễn biến thị trường, ổn định hệ thống phân phối.

Chính sách, quản lý

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc chi trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên; đồng thời xây dựng và áp dụng đa dạng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi để động viên người lao động; ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân và tập thể. Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên được hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất, nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động, tạo sự gắn bó lâu dài với tập thể Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2024

Nhận định về tình hình năm 2024, các chuyên gia cho biết trên bình diện quốc tế, thế giới đang trong thời kỳ nhiều biến động và thay đổi về kinh tế, địa chính trị. Lạm phát tăng lên mức cao dẫn đến xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia đã bắt đầu có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế.

Trong nước, Tổng cục Thống kê dự báo năm 2024, kinh tế - xã hội phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Các yếu tố

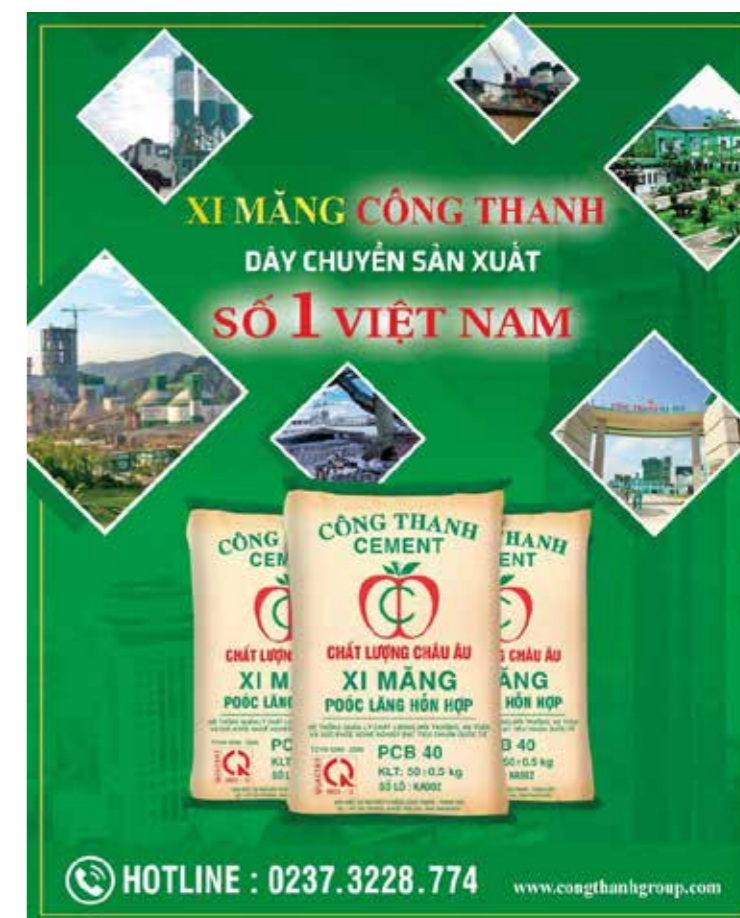
ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn, như biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước chậm, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng cùng với việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ, biến đổi khí hậu... Triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 có thể chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố hơn, trong đó có cả thuận lợi và thách thức đan xen. Trong nguy có cơ, tình trạng lây lan của các biến thể virus corona và các dịch bệnh mới (như đậu mùa khỉ...) được kiểm soát, điều này tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế được liền mạch trở lại.

THỊ TRƯỜNG XI MĂNG NỘI ĐỊA

Nhận định năm 2024 nhu cầu xi măng trong nước khó tăng trưởng cao. Việc giải ngân vốn đầu tư công tại các địa phương còn chậm, do vướng mắc về thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng... Thị trường bất động sản sẽ phục hồi nhưng chưa thể sôi động ngay trở lại. Bên cạnh đó, nguồn cung xi măng tiếp tục vượt xa cầu.

THỊ TRƯỜNG XI MĂNG XUẤT KHẨU

Dự báo của Hiệp hội Xi măng Việt Nam (VNCA), xuất khẩu xi măng, clinker trong năm 2024 tiếp tục gặp khó, bởi thị trường bất động sản Trung Quốc chưa có dấu hiệu phục hồi, xi măng Trung Quốc cũng bị dư thừa và dự báo sẽ cạnh tranh với xi măng Việt Nam vào các thị trường xuất khẩu như Philippines, Trung Mỹ, Nam Phi... Thêm vào đó, từ tháng 10/2023, châu Âu bắt đầu triển khai cơ chế điều chỉnh biên giới carbon đối với xi măng nhập khẩu, sẽ là thách thức lớn với doanh nghiệp xuất khẩu xi măng sang châu Âu.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023	% Tăng giảm năm 2024/2023
Sản lượng sản xuất	Tấn	1.217.618	686.619	77,34%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	957.104	623.267	53,56%
+ Nội địa	Tấn	417.104	476.433	-12,45%
+ Xuất khẩu	Tấn	540.000	146.834	267,76%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	744.132	483.408	53,93%
EBITDA	Triệu đồng	286.339	-94.845	N/A

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Trước những thách thức hiện tại và tương lai, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện mô hình quản trị, tối ưu hóa cơ cấu vốn và sắp xếp hợp lý các nguồn lực khác để hướng đến mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đảm bảo sự phát triển lâu dài và bền vững cho Công ty, cụ thể:

Giải pháp về tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo trên nguyên tắc tinh gọn, khoa học, thích ứng nhanh mỗi khi có biến động, vận hành hiệu quả theo cơ chế thị trường.
- Sắp xếp, bố trí nhân sự (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động,...) phù hợp với cơ cấu tổ chức và đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ SXKD.
- Chú trọng chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV. Quan tâm cải thiện chế độ đãi ngộ, nâng cao chất lượng môi trường làm việc, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, đồng thời đảm bảo an toàn lao động và áp dụng chế độ tiền lương, thưởng, bảo hiểm minh bạch, đầy đủ.
- Cải tiến quy trình, rà soát cập nhật quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Giải pháp tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ mọi khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD như tiền lương, tiền công, chi phí bảo hành bảo trì, chi phí giá thành, triệt để cắt giảm chi phí lãng phí trong quản lý điều hành...
- Xây dựng và triển khai phương án sử dụng hiệu quả, tổ chức thanh lý tài sản không cần dùng như máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, công cụ dụng cụ... Ký hợp đồng cho thuê lại kho bãi, tài sản chưa cần dùng với các đối tác nhằm tối ưu hóa thời gian sử dụng hợp lý của các tài sản đó.
- Duy trì và nâng cao chất lượng công tác quản trị tài chính thông qua việc nghiêm túc rà soát, báo cáo hàng tháng/quý nhằm kiểm soát được tình hình hoạt động của Công ty, dự báo tình hình tài chính của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các quyết định thích hợp điều chỉnh hoạt động SXKD và tài chính trong từng thời kỳ cũng như minh bạch thông tin cho các cổ đông.

Giải pháp về công tác điều hành sản xuất – bán hàng

Sản xuất

- Rà soát tình trạng máy móc thiết bị để có phương án bổ sung kịp thời nhằm đáp ứng thực hiện kế hoạch; Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để lên phương án khắc phục kịp thời tránh gián đoạn hoạt động sản xuất của công ty.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động đối với tất cả CBCNV nhà máy, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và tuân thủ triệt để các quy định về an toàn lao động nhằm đảm bảo hệ thống vận hành sản xuất một cách an toàn và hiệu quả.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị sản xuất, quản lý khai thác mở an toàn, hiệu quả.
- Thực hiện đánh giá và phân tích tình hình nguồn cung nguyên vật liệu hiện có, đồng thời kết hợp với các nhà cung cấp và đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn cung ổn định, giao hàng kịp thời và giá cả hợp lý

Bán hàng

- Chú trọng củng cố hệ thống phân phối thông qua việc đi sâu hơn và sát hơn, thường xuyên trao đổi thông tin để có thể thấu hiểu các khó khăn, vướng mắc của nhà phân phối, từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ và hoàn thiện các chính sách giá, chính sách hỗ trợ bán hàng, vận chuyển nhằm đảm bảo mối quan hệ lợi ích bền vững và hợp tác lâu dài với Công ty.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Liên quan đến ý kiến “Từ chối đưa ra ý kiến” dựa trên cơ sở như sau: “Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã phát sinh khoản lỗ vượt vốn điều lệ, Ban Tổng giám đốc có giải trình như sau:

- Thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc vẫn còn hạn chế do các tác động nghiêm trọng và tín hiệu phục hồi của thị trường xi măng chưa được khả quan sau dịch bệnh Covid-19 từ cuối năm 2019. Mặc dù vậy, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Công Thành vẫn cố gắng vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm những cơ hội và thị trường tiềm năng để duy trì doanh thu, vừa cân đối chi phí đảm bảo tuân thủ quy định phòng chống dịch, an toàn cho CBCNV.
- Năm 2023, Công ty đã thanh toán cho các khoản vay tại các Ngân hàng. Đây là nỗ lực rất lớn của Ban Lãnh đạo Công ty nhằm đối với các nghĩa vụ nợ vay cho các khoản vay của Công ty với các ngân hàng trong bối cảnh thị trường còn nhiều bất ổn. Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các đánh giá và tin tưởng rằng Công ty vẫn tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng trả nợ vay và hoạt động liên tục trong các năm tiếp theo bất ổn và Công ty đang gặp nhiều khó khăn.
- Các khoản vay của Công ty là các khoản vay có tài sản bảo đảm.
- Công ty đang tiếp tục xây dựng kế hoạch tái cơ cấu nhân sự, hoàn thiện quy trình sản xuất, quản trị nhằm tối ưu hóa chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển trong tương lai. Hiện tại, Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành đang làm việc với các đối tác để có các phương án tái cấu trúc tài chính tối ưu nhất cho Công ty.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các đánh giá và tin tưởng rằng Công ty vẫn tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng trả nợ vay và hoạt động liên tục trong các năm tiếp theo.

• BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động kinh doanh của Công Thành. Công ty luôn thấu hiểu và nỗ lực tìm kiếm các giải pháp thiết thực nhằm bảo vệ môi trường. Công ty luôn chú ý đến công tác xử lý chất thải, giữ vệ sinh môi trường tại văn phòng cũng như với các dự án mà Công ty đang thực hiện. Công ty luôn chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan và hệ sinh thái. Đồng thời, Công Thành thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty không ngừng tìm kiếm và nghiên cứu đầu tư các dự án xanh và bền vững.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều kiện làm việc và chính sách phúc lợi đối với nhân viên luôn được Ban điều hành quan tâm điều chỉnh để đảm bảo sự cạnh tranh, thu hút nhân tài và gia tăng sự gắn kết hiệu quả đối với đội ngũ nhân viên Công ty. Toàn bộ người lao động trong Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được trả lương đúng hạn và được hưởng chế độ bảo hiểm theo đúng quy định của Pháp luật.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Sự phát triển dài lâu của Xi măng Công Thành dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và phát triển. Công ty cam kết tạo ra những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng. Công ty tham gia đóng góp tất cả các phong trào mà các cơ quan chức năng trên địa bàn hoạt động khởi xướng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp và sự phát triển của cộng đồng, xã hội.



PHẦN 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 53 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 54 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 55 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều thách thức do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: Sự nổi lên của xung đột Nga - Ukraine đã đẩy lạm phát tăng cao trên quy mô toàn cầu kể từ cuối năm 2022. Để đối phó, hầu hết các Ngân hàng Trung ương trên thế giới đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất, kéo dài suốt hơn 1 năm qua. Các động lực tăng trưởng truyền thống của kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư, sản xuất tiếp tục gặp khó khăn. Các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta phục hồi chậm, thiếu bền vững, tăng trưởng thấp trong khi nhu cầu tiêu dùng còn yếu. Đến nay, lạm phát đã có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao, dẫn tới xu hướng thắt chặt tiền tệ tiếp diễn ở nhiều nền kinh tế lớn, gây áp lực tỷ giá đối với đồng nội tệ, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu. Những nhân tố trên đã ảnh hưởng và tác động trực tiếp hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên cả nước và hoạt động kinh doanh của xi măng Công Thanh.

Đối mặt với các khó khăn trên, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Tổng Giám đốc theo sát, triển khai kịp thời, nhất quán các chiến lược kinh doanh của Công ty. Bằng nỗ lực của mình Công ty đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra, giữ vững hoạt động kinh doanh trong thời gian qua, đồng thời tạo tiền đề phát triển cho năm 2024. Cụ thể, kết quả kinh doanh năm 2023, doanh thu thuần đạt 483,41 tỷ đồng giảm 69,71% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 25,10% kế hoạch năm 2023. Do chịu ảnh hưởng của mức tăng của chi phí đầu vào, theo đó Lợi nhuận trước Thuế, Lãi vay và Khấu hao (EBITDA) ghi nhận mức lỗ so với cùng kỳ.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu của HĐQT đã đặt ra để có được kết quả tốt nhất. Trong năm 2023, thị trường xi măng gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều đóng góp trong công tác quản trị, cắt giảm chi phí, điều hành kinh doanh sản xuất để cùng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.

Kết quả giám sát như sau:

Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý (gọi chung là “BĐH”) đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế và quy định của pháp luật:

- Chủ tịch HĐQT và BĐH đã tham dự các cuộc họp định kỳ tháng, quý để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt;
- Các đề xuất của BĐH trình HĐQT đều được thảo luận kỹ càng và đạt được sự đồng ý cao từ HĐQT, sau đó đều được chuyển giao cho BĐH để tổ chức thực hiện; BĐH triển khai chỉ đạo từ HĐQT đã kịp thời báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện những công việc được phân công;
- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty qua các báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc và BĐH;
- Phối hợp tích cực với công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của công ty để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công ty không ngừng nâng cao chất lượng nhân lực, tạo điều kiện tốt nhất với môi trường làm việc thân thiện để thúc đẩy sự phát triển của cá nhân mỗi người lao động.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức clinker và chất lượng xi măng. Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.
- Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

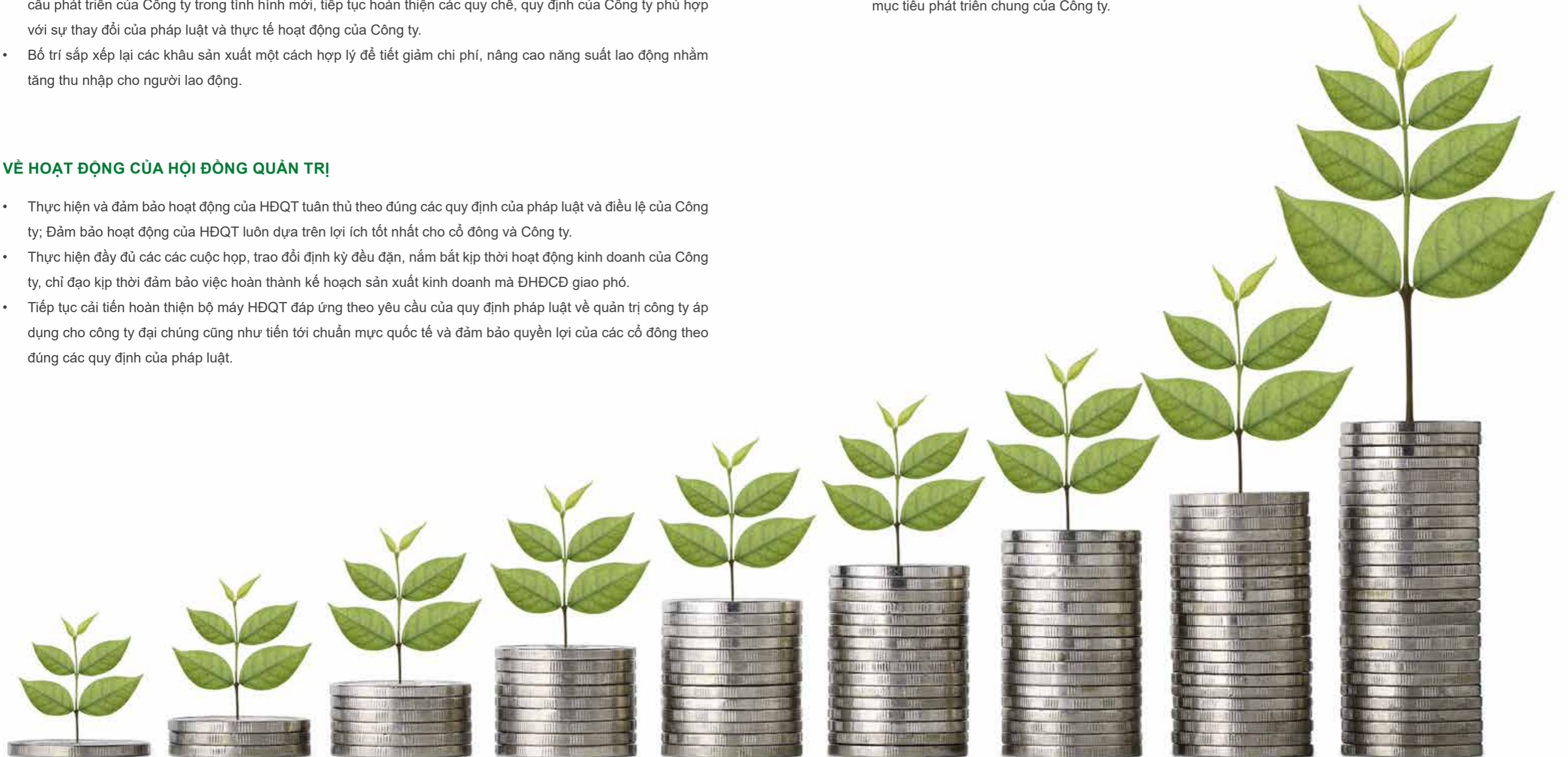
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới, tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.
- Bố trí sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý để tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động nhằm tăng thu nhập cho người lao động.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty; Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ giao phó.
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh linh hoạt để ứng phó kịp thời với mọi biến động. Duy trì và phát triển vững chắc thị trường chiến lược, thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng thị trường trong và ngoài nước.
- Công ty luôn coi trọng công tác chăm sóc khách hàng, đặt mục tiêu giải quyết hài hòa lợi ích và thắt chặt mối quan hệ hợp tác bền vững với khách hàng, đại lý, nhà phân phối và người tiêu dùng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện các giải pháp nhằm giữ vững và phát triển thị trường nội địa đồng thời khai thác hiệu quả thị trường xuất khẩu.
- Thực hiện tốt vai trò chỉ đạo và giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, tăng cường tính chủ động, hiệu quả, trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024, vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.



PHẦN 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

59 Hội đồng quản trị

61 Ban Kiểm soát

62 Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	51.481.827	57,20%
2	Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	5.000	0,01%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ban Giám đốc đã thực hiện triển khai kịp thời và có hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông, thường xuyên báo cáo, trao đổi, xin ý kiến hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý. Triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Việc giám sát của HĐQT được thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ của công ty, hướng hoạt động của Công ty phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, của đối tác và của người lao động.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên HĐQT	04	100%	
3	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	04	100%	

Nêu nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	24/04/2023	Hoãn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
2	02/2023/NQ-HĐQT	24/04/2023	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: Không có.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY: Không có.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lê Diễm Phương	Trưởng BKS	12.000	0,01%
2	Bà Ngô Thị Sơn Ca	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà Trịnh Thị Hạnh	Thành viên BKS	0	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm:

- Ban Kiểm soát luôn tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị và Hội nghị sơ kết, tổng kết Công ty để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;
- Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;
- Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát đều tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ hiện hành.
- Số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Diễm Phương	Trưởng BKS	03	100%	
2	Bà Ngô Thị Sơn Ca	Thành viên BKS	03	100%	
3	Bà Trịnh Thị Hạnh	Thành viên BKS	03	100%	

Ban kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp. Hoạt động của BKS tập trung vào những công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật trong việc quản lý của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát các hoạt động đầu tư, tình hình sử dụng và quản lý vốn.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.
- Đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.
- Thực hiện các công tác theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thực hiện theo nội dung Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, do kết quả kinh doanh của Công ty vẫn còn lỗ nên HĐQT, BTGD và BKS sẽ không nhận thù lao năm 2023.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
CTCP Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	Chung chủ tịch HĐQT	3600475018	Đường số 4, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	T1-T3 Năm 2023	Mua hàng hóa và dịch vụ: 16.640.594.432 đồng
CTCP Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	Chung chủ tịch HĐQT	3600475018	Đường số 4, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	T1-T3 Năm 2023	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 10.610.652.510 đồng

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị công ty là một vấn đề quan trọng đối với Công ty. Quản trị tốt sẽ giúp Công ty hoạt động hiệu quả, minh bạch và tăng khả năng cạnh tranh.

Giải pháp tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Quản trị nhân sự: Tăng cường sử dụng các ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý nhân sự.

Quản trị chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục thực hiện công tác duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị kịp thời và có hiệu quả.
- Thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, thay thế các nội dung trong Hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành.
- Mở rộng và áp dụng các hệ thống quản lý, tiêu chuẩn mới, nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất của công ty.

Thường xuyên đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động quản trị Công ty tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

PHẦN 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

65 Báo cáo tài chính kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY45 Bạch Đằng, Tân Bình, TP.HCM T: 8428 3547 1242
01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, HN T: 8424 3559 2222
11 Thích Quảng Đức, Bình Dương www.dfkvietnam.com

Số: 240/BCKT2023-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ Phần Xi Măng Công Thanh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Xi Măng Công Thanh (“Công ty”) được lập ngày 08 tháng 5 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn cùng ngày gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 5 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

Năm tài chính 2023, khoản lỗ kế toán trước thuế của Công ty là 1.825.773.554.511 đồng (năm tài chính 2022 khoản lỗ kế toán trước thuế là 1.181.768.999.715 đồng), và cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty đã vượt vốn chủ sở hữu là 7.005.645.780.465 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.179.872.225.954 đồng) và nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt tài sản ngắn hạn là 2.783.528.482.213 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.350.831.062.446 đồng). Ngoài ra, Công ty chưa thanh toán các khoản vay dài hạn đến hạn trả và trái phiếu đến hạn trả với số tiền là 1.593.110.373.363 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 1.293.110.373.363 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam, Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 286.926.649.220 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 288.016.649.220 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn-Hà Nội (Thuyết minh V.18). Đồng thời, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng tiền lãi vay ngắn hạn quá hạn phải trả cho các Ngân hàng này là 363.842.460.535 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 316.018.585.533 đồng) (Thuyết minh V.16) và tổng tiền lãi vay dài hạn quá hạn phải trả cho các Ngân hàng này là 10.035.171.436.472 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 8.628.750.345.860 đồng) (Thuyết minh V.16).

Những điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Như đã trình bày ở Thuyết minh III.4 Ban Tổng Giám đốc đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể cung cấp bằng chứng khả năng thanh toán các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả và trái phiếu dài hạn đến hạn trả; vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán; các khoản lãi vay ngắn hạn và lãi vay dài hạn đã quá hạn thanh toán như đã nêu trên. Dựa theo các thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho việc sử dụng giả định hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính này là phù hợp. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với báo cáo tài chính này.

Ngoài ra, như đã nêu trong thuyết minh báo cáo tài chính khoản phải thu khách hàng thuyết minh tại Mục V.03 trang 16 của thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2023 số dư là 314.492.667.460 đồng, khoản trả trước cho người bán được thuyết minh tại Mục V.04 trang 16 của thuyết minh báo cáo tài chính với số dư tại ngày 31/12/2023 là 144.422.512.473 đồng; khoản phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác được thuyết minh tại Mục V.05 của Thuyết minh báo cáo tài chính với số dư tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 24.860.881.318 đồng và 27.160.211.491 đồng và khoản Phải thu về cho vay dài hạn tại Mục V.08 trang 18 của Thuyết minh báo cáo tài chính với số dư tại ngày 31/12/2023 là 60.721.835.732 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định mức trích lập dự phòng cần thiết của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, khoản phải thu ngắn hạn khác, khoản phải thu dài hạn khác và khoản phải thu về cho vay dài hạn như đã nêu trên.

Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, khoản phải thu ngắn hạn khác, khoản phải thu dài hạn khác và khoản phải thu về cho vay dài hạn đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Từ chối đưa ra ý kiến:

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2024
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN LƯƠNG NHÂN
Số GCNĐKHNKT: 0182-2023-042-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

ĐẶNG THỊ THUY TRANG
Số GCNĐKHNKT: 2063-2023-042-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. Tài sản ngắn hạn	100		712.247.919.042	745.137.356.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.989.701.523	2.933.327.172
1. Tiền	111		2.989.701.523	2.933.327.172
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		483.776.061.251	492.014.836.956
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	314.492.667.460	288.352.399.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	144.422.512.473	179.266.345.386
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	24.860.881.318	24.396.091.866
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	218.102.642.947	221.401.041.825
1. Hàng tồn kho	141		218.102.642.947	222.235.061.825
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(834.020.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.379.513.321	28.788.150.729
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	2.933.460.988	25.694.144.016
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	1.857.393.955	505.348.334
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.588.658.378	2.588.658.379
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn	200		11.287.563.453.172	11.573.308.868.221
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		87.882.047.223	87.882.047.223
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.08	60.721.835.732	60.721.835.732
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	27.160.211.491	27.160.211.491
II. Tài sản cố định	220		10.893.389.710.303	11.170.072.987.943
1. TSCĐ hữu hình	221	V.09	10.893.389.710.303	11.170.072.987.943
- Nguyên giá	222		14.002.333.687.722	14.002.993.490.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.108.943.977.419)	(2.832.920.502.869)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		619.708.195	619.708.195
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(619.708.195)	(619.708.195)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		234.873.562.438	217.322.695.423
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	234.873.562.438	217.322.695.423
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.000.000.000	13.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02	13.000.000.000	13.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		58.418.133.208	85.031.137.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	58.418.133.208	85.031.137.632
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.999.811.372.214	12.318.446.224.903

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. Nợ phải trả	300		19.005.457.152.679	17.498.318.450.857
I. Nợ ngắn hạn	310		3.495.776.401.255	3.095.968.419.128
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	769.211.173.918	750.044.345.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	95.445.799.638	81.070.096.229
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	22.349.802.712	17.660.219.457
4. Phải trả người lao động	314	V.15	9.534.757.208	13.245.275.706
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	364.183.137.066	319.164.792.015
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	55.014.708.130	33.656.667.618
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	2.180.037.022.583	1.881.127.022.583
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.509.680.751.424	14.402.350.031.729
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16	10.035.171.436.472	8.628.750.345.860
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	326.000.000.000	326.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	5.137.722.936.352	5.437.527.122.991
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.786.378.600	10.072.562.878
B. Vốn chủ sở hữu	400		(7.005.645.780.465)	(5.179.872.225.954)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(7.005.645.780.465)	(5.179.872.225.954)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19, 20	900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(7.905.645.780.465)	(6.079.872.225.954)
- Lỗ sau thuế lũy kế của các năm trước	421a		(6.079.872.225.954)	(4.898.103.226.239)
- Lỗ sau thuế của năm	421b		(1.825.773.554.511)	(1.181.768.999.715)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.999.811.372.214	12.318.446.224.903


Nguyễn Thị Thùy Vy
Người lập biểu
Ngày 08 tháng 5 năm 2024


Trà Minh Hoan
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàng Thi
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.23	483.408.347.283	1.595.677.854.502
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		483.408.347.283	1.595.677.854.502
4 Giá vốn hàng bán	11	V.24	(754.797.018.667)	(1.748.964.202.891)
5 Lợi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(271.388.671.384)	(153.286.348.389)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	851.111.656	7.244.629.833
7 Chi phí tài chính	22	V.26	(1.457.054.338.953)	(837.711.721.878)
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		(1.454.244.965.614)	(823.651.613.628)
8 Chi phí bán hàng	25	V.27	(26.345.491.145)	(68.745.257.707)
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.28	(67.885.523.183)	(89.899.497.944)
10 Lợi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.821.822.913.010)	(1.142.398.196.085)
11 Thu nhập khác	31	V.29	8.552.391.192	1.835.861.550
12 Chi phí khác	32	V.30	(12.503.032.693)	(41.206.665.180)
13 Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(3.950.641.501)	(39.370.803.630)
14 Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(1.825.773.554.511)	(1.181.768.999.715)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.31	-	-
16 (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.825.773.554.511)	(1.181.768.999.715)
18 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70		(20.286)	(13.131)
19 Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	80		(20.286)	(13.131)


Nguyễn Thị Thùy Vy
Người lập biểu
Ngày 08 tháng 5 năm 2024


Trà Minh Hoan
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàng Thi
Người đại diện theo pháp luật





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lỗ trước thuế	01	(1.825.773.554.511)	(1.181.768.999.715)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	276.683.277.640	306.978.031.974
Các khoản dự phòng	03	(120.204.276)	740.165.724
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.706.618.994	(95.883.413)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(105.618.463)	(1.291.157.217)
Chi phí lãi vay	06	1.454.244.965.614	823.651.613.628
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước khi thay đổi vốn lưu động	08	(92.364.515.002)	(51.786.229.019)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6.886.730.085	(125.278.947.849)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.132.418.878	266.093.048.694
(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	53.074.107.123	32.959.097.008
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	49.373.687.452	2.345.098.464
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.102.428.536	124.332.067.298
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(17.550.867.015)	(12.066.383.354)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.000.000	127.272.727
Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	26	-	2.523.434.401
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.618.463	1.291.157.217
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.445.248.552)	(8.124.519.009)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Trả tiền lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.640.000.000)	(126.118.630.000)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.640.000.000)	(126.118.630.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	17.179.984	(9.911.081.711)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.933.327.172	12.748.525.470
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	39.194.367	95.883.413
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.989.701.523	2.933.327.172


Nguyễn Thị Thùy Vy
Người lập biểu
Ngày 08 tháng 5 năm 2024


Trà Minh Hoan
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoàng Thi
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động Công ty

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304186356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 23 tháng 1 năm 2006 và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 8 cấp ngày 9 tháng 7 năm 2020.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng vào ngày 13 tháng 11 năm 2009 theo Công văn Số 2546/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 nhà máy xi măng đặt ở Trụ sở chính tại Tỉnh Thanh Hóa với 2 dây chuyền sản xuất chính:

Dây chuyền 1: bao gồm dây chuyền sản xuất clinker.

Dây chuyền 2: bao gồm dây chuyền sản xuất clinker và dây chuyền sản xuất xi măng.

Ngoài ra, theo các giấy phép khai thác khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và giấy phép khai thác khoáng sản số 160/GP-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2018 và giấy phép gia hạn ngày 23 tháng 9 năm 2021 cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa, Công ty được cấp quyền khai thác các mỏ khoáng sản tại Tỉnh Thanh Hóa với chi tiết như sau:

Loại khoáng sản	Diện tích khai thác(ha)	Thời hạn khai thác
Đá vôi	73,88	30 năm
Đất sét	133,4	30 năm
Đá bazan	5,49	5 năm 4 tháng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, clinker, xi măng, vôi và thạch cao.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất clinker, xi măng, vôi và thạch cao.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: dưới 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có Trụ sở chính tại Thôn Tam Sơn, Xã Tân Trường, Thị Xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam;

Văn phòng tại 2/14-16 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh;

Chi nhánh Hà Nội: Biệt thự I, khu D, Làng quốc tế Thăng Long, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được bộ tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Giả định hoạt động liên tục:

Như được trình bày trong báo cáo tài chính này, vào năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

(i) Công ty đã phát sinh khoản lỗ 1.825.773.554.511 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.181.768.999.715 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế của Công ty đã vượt vốn chủ sở hữu là 7.005.645.780.465 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.179.872.225.954 đồng) và nợ ngắn hạn Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn là 2.783.528.482.213 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.350.831.062.446 đồng).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện được theo kế hoạch trả khoản vay dài hạn và trái phiếu dài hạn với số tiền là 1.593.110.373.363 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) (tại ngày 31/12/2022 là 1.293.110.373.363 đồng) (Thuyết minh 18). Theo Biên bản làm việc ngày 24 tháng 3 năm 2021, Vietinbank yêu cầu Công ty xử lý tài sản đảm bảo là bất động sản của bên thứ ba để thanh toán nghĩa vụ trả nợ còn thiếu của năm 2021. Tuy nhiên, vào ngày 27 tháng 5 năm 2021, Công ty đã gửi thư đến Vietinbank đề xuất Vietinbank chưa thực hiện việc xử lý tài sản đảm bảo thế chấp của bên thứ ba khi Công ty vẫn đang thực hiện đúng việc trả nợ dựa trên doanh thu và dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh đã cam kết với Vietinbank. Theo biên bản họp ngày 05/04/2023 Vietinbank và Công ty đã thống nhất tạm thời trả nợ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo từng hợp đồng kinh doanh cụ thể bao gồm cả xi măng và Clinker, Vietinbank phối hợp với Công ty tính toán phương án, số tiền chênh lệch giữa dòng tiền thu và dòng tiền chi phù hợp cho sản xuất kinh doanh sẽ được Vietinbank lựa chọn phương án thu nợ hoặc phong tỏa.

(iii) Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (“SHB”) cũng đã được bán cho Công ty Quản lý Tài sản các Tổ chức Tín dụng Việt Nam (“VAMC”) vào ngày 29 tháng 11 năm 2019. Theo hợp đồng vay, Công ty phải trả cho SHB 369.036.118.606 đồng vào ngày 29 tháng 11 năm 2018. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chỉ mới trả 82.109.469.386 đồng cho SHB (trong năm 2023: 1.090.000.000 đồng; trong năm 2022: 12.000.000.000 đồng; trong năm 2021: 10.431.924.872 đồng và trong năm 2020 58.587.544.514 đồng). Vào ngày 8 tháng 11 năm 2021, SHB đã mua lại khoản nợ ngắn hạn này từ VAMC theo Hợp đồng Số 444/2021/BN.VAMC-SHB.

(iv) Đồng thời, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng tiền lãi vay ngắn hạn quá hạn phải trả cho hai ngân hàng này là 363.842.460.535 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 316.018.585.533 đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 267.402.375.567 đồng) (Thuyết minh 16) và tổng tiền lãi vay dài hạn quá hạn phải trả cho hai ngân hàng này là 10.035.171.436.472 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8.628.750.345.860 đồng) (Thuyết minh V.16).

Theo quan điểm của Ban Tổng Giám đốc, Công ty có thể tiếp tục hoạt động liên tục vì Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty có thể tạo ra dòng tiền hoạt động thuận để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động và trả một phần khoản vay với các ngân hàng. Công ty cũng đang tích cực tìm kiếm nhà đầu tư mới để tăng thêm vốn nhằm mục đích trả khoản vay ngân hàng cũng như huy động thêm sự hỗ trợ tài chính từ nhà đầu tư mới và chủ nợ mới. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo tài chính này Ban Tổng Giám đốc không thể xác định hoặc đánh giá thời điểm huy động thêm vốn từ các nhà đầu tư mới để hoàn thành kế hoạch thanh toán do các ngân hàng đã đề ra.

Trong trường hợp Công ty không thể tạo ra đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh hoặc không tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các chủ nợ, Công ty có thể chưa thanh toán được các khoản nợ khi đến hạn trong điều kiện kinh doanh bình thường và các điều chỉnh cần được thực hiện để phản ánh thực trạng tài sản cần phải được bán khác với điều kiện kinh doanh bình thường và bán ở giá trị khác với giá trị đang được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Công ty có thể cần phải phân loại tài sản và nợ dài hạn thành tài sản và nợ ngắn hạn và ghi nhận tài sản ở giá trị thuần có thể thực hiện được. Các điều chỉnh này chưa được phản ánh trên báo cáo tài chính này.

Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Chi tiết thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 28
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 20
Khác	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Dây chuyền sản xuất clinker và xi măng được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm do thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm; và

Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ. Theo đó, tổng số lượng sản phẩm sản xuất và thời gian hữu dụng ước tính của các dây chuyền sản xuất như sau:

	Triệu tấn	Năm
Dây chuyền clinker 1	15	20
Dây chuyền clinker 2	97	28
Dây chuyền xi măng	67,7	28

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

8. Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

9. Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đơn vị khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

12. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5%, 2% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 23,5% sẽ được đưa vào phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận lũy kế phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ doanh thu bán hàng bao gồm xi măng, clinker và các hàng hóa khác.

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

18. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Giả định hoạt động liên tục (Thuyết minh I.1);
- Phân loại các khoản vay (Thuyết minh V.18); và
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh IV.5).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THẠNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

21. Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THẠNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	254.948.850	95.880.941
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.734.752.673	2.837.446.231
Cộng	2.989.701.523	2.933.327.172
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Dài hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	13.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	13.000.000.000	13.000.000.000
Số tiền gửi có kỳ hạn 13 tỷ đồng dùng để bảo lãnh hợp đồng mua điện sản xuất.		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
a) Phải thu bên thứ ba	189.643.134.704	159.207.498.601
Công ty TNHH Thương Mại Xi Măng Công Thanh- khu vực Miền Trung	102.614.812.050	82.949.331.727
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Vận Tải Văn Hoa	69.931.675.226	49.958.225.195
Công ty Cổ Phần Hóa Chất Gama Thanh Hóa	2.074.795.800	2.074.795.800
Các khách hàng khác	15.021.851.628	24.225.145.879
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)	124.849.532.756	129.144.901.103
Công ty Cổ Phần Bê Tông Công Thanh	54.401.444.430	54.401.444.430
Công ty TNHH Bê Tông Công Thanh Sài Gòn	14.222.511.950	14.222.511.950
Công ty Cổ Phần Bê Tông Công Thanh Hà Nội	9.943.280.773	11.747.535.973
Công ty TNHH Thương Mại Xi Măng Công Thanh- Khu Vực Miền Nam	46.282.295.603	48.773.408.750
Tổng cộng (a) + (b)	314.492.667.460	288.352.399.704
Quyền đòi nợ liên quan đến toàn bộ các số dư phải thu khách hàng này được dùng để làm tài sản thế chấp với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank") và Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội ("SHB"), chi nhánh Vạn Phúc cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 18 (iii)).		
4. Trả trước cho người bán		
a) Bên thứ ba	106.146.704.502	137.490.537.415
Công ty TNHH Cửa Sổ Sơn Thành	2.591.630.000	2.591.630.000
Công ty Cổ Phần Hóa Chất Gama Thanh Hóa	77.494.511.732	100.617.879.883
Ông Trần Hữu Toàn	1.500.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH TM-DV An Phú Hưng	1.794.068.269	2.853.005.383
Công ty CP Vật Tư và Kỹ Thuật Hà Anh	1.298.540.910	1.298.540.910
Các khách hàng khác	21.467.953.591	28.929.481.239
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)	38.275.807.971	41.775.807.971
Công ty Cổ Phần Vận tải An Tôn	38.275.807.971	41.775.807.971
Tổng cộng (a) + (b)	144.422.512.473	179.266.345.386

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Đơn vị tính: VND)

5. Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng nhân viên	2.376.881.873	-	1.824.694.084	-
Ký quỹ mở L/C ngắn hạn	-	-	58.985.202	-
Phải thu khác nhân viên	-	-	28.414.327	-
Phải thu khác là các bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)	22.483.999.445	-	22.483.998.253	-
- Công ty Cổ phần Intelligent City	22.483.999.445	-	22.483.998.253	-
Tổng cộng	24.860.881.318	-	24.396.091.866	-

b) Dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ cho Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Thanh Hóa (*)	13.000.000.000	13.000.000.000
Ký quỹ cho Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và Các Khu Công nghiệp Tỉnh Thanh Hóa (**)	7.500.000.000	7.500.000.000
Ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi Trường Việt Nam (***)	6.026.766.000	6.026.766.000
Ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi Trường Tỉnh Thanh Hóa (****)	633.445.491	633.445.491
Cộng	27.160.211.491	27.160.211.491

(*) Số dư thể hiện khoản ký quỹ cho Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Thanh Hóa theo Thỏa thuận Số 67/TTKQ-SKHDT ngày 28 tháng 6 năm 2018.

(**) Số dư thể hiện khoản ký quỹ cho Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và Các Khu Công Nghiệp Tỉnh Thanh Hóa theo Công Văn số 220/BQLKKTNS&KCN-TMXNK ngày 21 tháng 01 năm 2019.

(***) Số dư thể hiện khoản ký quỹ kinh phí cải tạo phục hồi môi trường cho mô đất sét của Công ty cho Quỹ Bảo vệ Môi Trường Việt Nam theo Quyết định Số 1073/QĐ-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 02 tháng 6 năm 2011.

(****) Số dư thể hiện khoản ký quỹ kinh phí cải tạo phục hồi môi trường cho mô khai thác của Công ty cho Quỹ Bảo vệ Môi Trường Tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định Số 10/QBVM-TXNK do Sở Tài nguyên và Môi Trường Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11 tháng 02 năm 2020.

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	61.596.067.308	-	47.800.648.097	(834.020.000)
Công cụ, dụng cụ	99.104.210.993	-	98.787.348.414	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.522.415.230	-	10.876.392.895	-
Thành phẩm	49.879.949.416	-	64.770.672.419	-
Cộng	218.102.642.947	-	222.235.061.825	(834.020.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ giá trị hàng tồn kho được dùng để làm tài sản thế chấp với Vietinbank và Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, chi nhánh Vạn Phúc cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 18 (iii)).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Đơn vị tính: VND)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

a) Ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.434.320.913	16.300.301.282
Chi phí bảo hiểm	20.882.025	4.990.573.723
Chi phí hội nghị khách hàng	-	2.500.000.000
Khác	1.478.258.050	1.903.269.011
Cộng	2.933.460.988	25.694.144.016

b) Dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí giải phóng san lấp mặt bằng (*)	50.875.186.613	52.525.110.421
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.869.310.727	6.031.340.987
Chi phí sửa chữa	-	1.449.335.886
Chi phí khác	4.673.635.868	25.025.350.338
Cộng	58.418.133.208	85.031.137.632

(*) Quyền sử dụng đất được giao và chi phí giải phóng san lấp mặt bằng này đã được thế chấp với Vietinbank và Ngân hàng SHB-Chi nhánh Vạn Phúc cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 18 (iii)).

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	110.725.281.648	130.052.663.739
Tăng trong năm	21.251.047.350	92.395.350.204
Phân bổ trong năm	(70.624.734.802)	(111.722.732.295)
Số dư cuối năm	61.351.594.196	110.725.281.648

8. Phải thu về cho vay dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)		
Công ty Cổ Phần Nhiệt điện Công Thanh	27.835.464.410	27.835.464.410
Công ty Cổ Phần Bê tông Công Thanh	19.528.515.366	19.528.515.366
Công ty Cổ Phần Vận Tải An Tôn	13.357.855.956	13.357.855.956
Cộng	60.721.835.732	60.721.835.732

Số dư thể hiện các khoản Công ty cho các bên liên quan vay tín chấp và không hưởng lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và tài sản khác	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2023	6.049.320.984.781	7.886.502.968.642	55.622.049.350	11.547.488.039	14.002.993.490.812
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(659.803.090)	-	(659.803.090)
31/12/2023	6.049.320.984.781	7.886.502.968.642	54.962.246.260	11.547.488.039	14.002.333.687.722
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2023	1.172.575.213.231	1.594.709.546.892	54.222.862.229	11.412.880.517	2.832.920.502.869
Khấu hao trong năm	170.846.219.611	104.963.034.240	803.305.818	70.717.971	276.683.277.640
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(659.803.090)	-	(659.803.090)
31/12/2023	1.343.421.432.842	1.699.672.581.132	54.366.364.957	11.483.598.488	3.108.943.977.419
Giá trị còn lại					
01/01/2023	4.876.745.771.550	6.291.793.421.750	1.399.187.121	134.607.522	11.170.072.987.943
31/12/2023	4.705.899.551.939	6.186.830.387.510	595.881.303	63.889.551	10.893.389.710.303

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, các hạng mục TSCĐ hữu hình của Công ty bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đã được dùng làm tài sản thế chấp với Vietinbank và SHB-Chỉ nhánh Vạn Phúc cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 18 (iii)).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã được khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 169.436.457.835 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 161.574.476.071 đồng).

10. Tài sản cố định vô hình

	Chi phí thiết kế web và mạng Lan	Chương trình phần mềm office	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2023	420.586.128	199.122.067	619.708.195
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
31/12/2023	420.586.128	199.122.067	619.708.195
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2023	420.586.128	199.122.067	619.708.195
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
31/12/2023	420.586.128	199.122.067	619.708.195
Giá trị còn lại			
01/01/2023	-	-	-
31/12/2023	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Trạm nghiền xi măng tại Tỉnh Khánh Hòa	118.858.313.687	118.858.313.687
Dự án Cảng Công Thanh tại Tỉnh Thanh Hóa	90.521.132.209	73.611.396.009
Dự án khách sạn 5 sao tại Tỉnh Thanh Hóa	4.827.625.208	4.827.625.208
Dự án nhà máy nghiền xi măng tại Tỉnh Vĩnh Long	3.831.124.474	3.831.124.474
Dự án Golden Coast Resort	2.126.571.121	1.610.256.306
Các dự án khác	14.708.795.739	14.583.979.739
	234.873.562.438	217.322.695.423

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	217.322.695.423	200.340.411.796
Tăng trong năm	17.550.867.015	35.506.189.619
Chuyển sang TSCĐ hữu hình và chi phí trả trước	-	(18.523.905.992)
Số dư cuối năm	234.873.562.438	217.322.695.423

12. Phải trả người bán

	Cuối năm	Đầu năm
a) Bên thứ ba	465.434.021.103	440.413.549.617
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Phương Mai	36.777.734.810	36.561.041.680
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng sản Đại Dương	1.815.925.835	10.174.334.504
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất nhập khẩu An Phát	6.404.781.528	6.404.781.528
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Vận tải Văn Hoa	32.038.752.424	32.038.752.424
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải AD	43.021.912.841	47.952.914.941
Công ty TNHH TM & DV Đại Hưng Ninh Bình	14.959.591.608	14.959.591.608
Công ty TNHH Kinh Doanh và Chế Biến Khoáng Sản Thành Nam	17.391.218.450	17.391.218.450
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thái Bình Dương	56.010.553.250	67.444.893.050
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Đại Dương	51.136.795.150	-
Công ty CP Phân Phối Xi Măng Quốc Tế	39.005.503.969	-
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàn Sơn	11.609.216.701	4.902.000
Công ty Cổ Phần Bao Bì Tân Khánh An	9.000.000.216	11.618.289.450
Công ty TNHH TM Thái Sơn	8.639.480.812	8.639.480.812
Công ty TNHH Trường An	7.512.212.992	7.512.212.992
Các khách hàng khác	130.110.340.517	179.711.136.178
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)	303.777.152.815	309.630.795.903
Công ty Cổ Phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai	279.616.881.901	291.986.939.979
Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Công Thanh	24.160.270.914	17.643.855.924
Tổng cộng (a) + (b)	769.211.173.918	750.044.345.520

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

	Cuối năm	Đầu năm
13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
a) Bên thứ ba	55.082.229.639	38.912.662.018
Wider Strong Pte. Ltd.	37.627.291.805	37.627.291.805
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Điện Khí LNG TOM	8.998.838.960	-
Các khách hàng khác	8.456.098.874	1.285.370.213
b) Bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)	40.363.569.999	42.157.434.211
Công ty Cổ phần Intelligent City	37.150.000.000	37.150.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xi Măng Công Thanh Miền Bắc	3.213.569.999	5.007.434.211
Tổng cộng (a) + (b)	95.445.799.638	81.070.096.229

14. Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) nhà nước

	Đầu năm	Số (phải thu)/ phải nộp trong năm	Cấn trừ trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	(505.348.334)	(31.409.292.158)	30.057.246.537	-	(1.857.393.955)
Thuế xuất nhập khẩu	(1.588.658.381)	12.619.256.449	-	(12.619.256.448)	(1.588.658.380)
Lệ phí thuế đất	(999.999.998)	-	-	-	(999.999.998)
Cộng	(3.094.006.713)	(18.790.035.709)	30.057.246.537	(12.619.256.448)	(4.446.052.333)
b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	4.735.883.319	40.773.605.559	(30.057.246.537)	(6.006.306.561)	9.445.935.780
Thuế thu nhập cá nhân	23.481.821	81.180.392	-	(9.726.434)	94.935.779
Thuế tài nguyên	2.510.283.840	3.165.581.645	-	(4.297.892.818)	1.377.972.667
Thuế bảo vệ môi trường	2.722.815.319	1.936.882.204	-	(4.295.541.467)	364.156.056
Các khoản lệ phí và phải nộp khác	7.667.755.158	11.203.095.000	-	(7.804.047.728)	11.066.802.430
Cộng	17.660.219.457	57.160.344.800	(30.057.246.537)	(22.413.515.008)	22.349.802.712

	Cuối năm	Đầu năm
15. Phải trả người lao động		
Lương và phụ cấp phải trả người lao động	9.534.757.208	13.245.275.706
Cộng	9.534.757.208	13.245.275.706

	Cuối năm	Đầu năm
16. Chi phí phải trả		
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Lãi vay ngân hàng trích trước	363.842.460.535	316.018.585.534
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	340.676.531	3.146.206.481
Cộng	364.183.137.066	319.164.792.015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư chi phí phải trả ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 363.842.460.535 đồng và 316.018.585.533 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

18. Vay (tiếp theo)

(iii) Chi tiết hình thức đảm bảo cho các khoản vay tại Viettinbank và SHB-Chi nhánh Vạn Phúc:

Theo văn bản thỏa thuận được lập ngày 5/9/2017, Vietinbank đồng ý chia sẻ cho SHB- chi nhánh Vạn Phúc tài sản đảm bảo của công ty hiện đang thế chấp tại Vietinbank và nguồn thu của công ty với điều kiện ngân hàng SHB tài trợ vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung để sản xuất clinker/ xi măng của công ty (không phân biệt kinh doanh trong nước hay xuất khẩu) với hạn mức tối thiểu là 450 tỷ đồng. Chi tiết tài sản bảo đảm cho các khoản vay tại Vietinbank và SHB, chi nhánh Vạn Phúc như sau:

- Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của dự án dây chuyền 2- Nhà máy Xi măng Công Thanh
- Toàn bộ các hạng mục công trình xây dựng hình thành trong tương lai của dự án dây chuyền 2 - Nhà máy Xi măng Công Thanh
- Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng của dự án dây chuyền 1- Nhà máy Xi măng Công Thanh
- Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của dự án dây chuyền 1 - Nhà máy Xi măng Công Thanh
- Cổ phần vốn góp của các cổ đông sáng lập công ty
- Cổ phần vốn góp của ông Nguyễn Công Lý tại các công ty nhóm Xi măng Công Thanh, gồm:
 - + Công ty CP Nhiệt Điện Công Thanh
 - + Công ty CP Bê Tông Công Thanh
 - + Công ty CP Vận Tải An Tôn
 - + Công ty CP Bao Bì Công Thanh
 - + Công ty CP Phân Đạm Công Thanh
 - + Công ty CP Tầm Lọc Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai
- Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên (mỏ đá vôi, đá sét)
- Công trình xây dựng trên đất của dự án nhà máy thu hồi nhiệt
- Máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy thu hồi nhiệt
- Hệ thống máy rót hàng tự động thuộc dây chuyền 1
- Hàng tồn kho luân chuyển
- Quyền đòi nợ luân chuyển
- Phương tiện vận tải là 5 xe ô tô
- 3 bất động sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Công Lý và bà Nguyễn Thị Huệ, 1 bất động sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Dạ Thảo và 1 bất động sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Tina.

(iii) Chi tiết số dư nợ dài hạn

Trái phiếu phát hành

	Năm 2023	Năm 2022
Mã trái phiếu XMCT1209	182.849.480.000	183.716.480.000
Mã trái phiếu XMCT0510_5	355.000.000.000	355.000.000.000
Mã trái phiếu XMCT0510_8	345.000.000.000	345.000.000.000
Mã trái phiếu XMCT1210_1500	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cộng	2.382.849.480.000	2.383.716.480.000
Gốc trái phiếu thường đến hạn trả	(532.516.600.000)	(432.516.600.000)
	1.850.332.880.000	1.951.199.880.000

Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu

Công ty phát hành trái phiếu thường nhằm mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà Máy Xi Măng Công Thanh- dây chuyền 2 tại tỉnh Thanh Hóa. Trái phiếu phát hành được đảm bảo bằng tài sản nêu ở Thuyết minh 18 (iii).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

16. Chi phí phải trả (tiếp theo)

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí lãi vay dài hạn	6.299.216.011.819	5.617.639.730.171
Chi phí lãi vay trái phiếu	3.735.955.424.653	3.011.110.615.689
Cộng	10.035.171.436.472	8.628.750.345.860

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư chi phí phải trả dài hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 10.035.171.436.472 đồng và 8.628.750.345.860 đồng.

17. Phải trả khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác		
a) Bên thứ ba	7.542.708.032	5.584.667.618
Các đối tượng khác	3.271.174.812	1.336.339.612
BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ phải nộp	4.271.533.220	4.248.328.006
b) Bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)	47.472.000.098	28.072.000.000
Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo	33.650.000.098	14.250.000.000
Công ty TNHH Tina	3.578.000.000	3.578.000.000
Bà Nguyễn Thị Huệ	10.244.000.000	10.244.000.000
Cộng	55.014.708.130	33.656.667.618

Phải trả dài hạn khác Bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34)

	Cuối năm	Đầu năm
Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo (*)	326.000.000.000	326.000.000.000

(*) Phải trả tiền mượn bổ sung vốn lưu động.

18. Vay

Vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Trả nợ vay trong năm	Chuyển từ vay dài hạn	Số cuối năm
Vay ngắn hạn (i)	288.016.649.220	(1.090.000.000)	-	286.926.649.220
SHB- Chi nhánh Vạn Phúc	288.016.649.220	(1.090.000.000)	-	286.926.649.220
Nợ dài hạn đến hạn trả (ii)	1.593.110.373.363	-	300.000.000.000	1.893.110.373.363
Vietinbank- Vay dài hạn	1.160.593.773.363	-	200.000.000.000	1.360.593.773.363
Vietinbank- Trái phiếu thường	432.516.600.000	-	100.000.000.000	532.516.600.000
Cộng	1.881.127.022.583	(1.090.000.000)	300.000.000.000	2.180.037.022.583

Vay dài hạn

	Số đầu năm	Trả nợ vay trong năm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	Số cuối năm
Nợ dài hạn (iii)	7.030.637.496.354	(2.550.000.000)	2.745.813.361	7.030.833.309.715
Vietinbank- Vay dài hạn (*)	4.646.921.016.354	(1.683.000.000)	2.745.813.361	4.647.983.829.715
Trái phiếu thường (**)	2.383.716.480.000	(867.000.000)	-	2.382.849.480.000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(1.593.110.373.363)			(1.893.110.373.363)
Vietinbank- Vay dài hạn	(1.160.593.773.363)			(1.360.593.773.363)
Vietinbank- Trái phiếu thường	(432.516.600.000)			(532.516.600.000)
Cộng	5.437.527.122.991			5.137.722.936.352

Tại ngày 31/12/2023 khoản vay dài hạn đến hạn trả và trái phiếu đến hạn trả đã quá hạn thanh toán với số tiền là 1.593.110.373.363 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 1.293.110.373.363 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam. Khoản vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán với số tiền là 286.926.649.220 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 288.016.649.220 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn-Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

18. Vay (tiếp theo)

(i) Chi tiết số dư vay ngắn hạn	31/12/2023	Kỳ hạn	Hạn mức tín dụng	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
SHB- Chi nhánh Vạn Phúc (*)	286.926.649.220	6 tháng	450.000.000.000	10,0%	(iii)

(*) Các khoản vay ngắn hạn từ SHB bán cho VAMC theo Hợp đồng mua bán nợ số 3051/2019/MBN.VAMC-SHB ngày 29 tháng 11 năm 2019 theo như thông báo của SHB trong Công văn số 46/2020/CV-SHB.VP ngày 03 tháng 3 năm 2020. Theo Công văn này, VAMC ủy quyền cho SHB thực hiện một số quyền của chủ nợ như đòi nợ, thu hồi nợ gốc và lãi, quản lý tất cả các khoản nợ mà SHB đã bán cho VAMC và xử lý tài sản đảm bảo. Tuy nhiên, vào ngày 8 tháng 11 năm 2021, SHB đã mua lại khoản nợ ngắn hạn này từ VAMC theo Hợp đồng số 444/2021/BN.VAMC-SHB. Mục đích khoản vay này là để bổ sung vốn lưu động.

(iii) Chi tiết số dư nợ dài hạn		Kỳ hạn	Hạn mức tín dụng	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay dài hạn - Vietinbank					
VND (*)	4.554.444.920.898	300 tháng	4.971.500.000.000	11,0%	(iii)
USD (**)	94.194.510.322			8,8%	(iii)
Cộng	4.648.639.431.220				
Tổng vay dài hạn đến hạn trả	(1.360.593.773.363)				
Cuối kỳ	3.288.045.657.857				

(*) Theo Công văn số 466/CN TP. HCM-KHDNL ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Vietinbank, các lãi suất vay dài hạn 11,0%/năm và 8,8%/năm đã được phê duyệt áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Mục đích của khoản vay này là dùng để Đầu tư dự án dây chuyền 2.

(**) Khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ với số tiền nguyên tệ là 3.856.479,44 Đô la Mỹ.

Công ty phải thanh toán nợ gốc đến năm 2035 dựa trên lịch trả nợ được đề cập trong Công văn số 9507/TGD-NHCT52.2 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Do đó, các khoản vay và nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được phân loại dựa trên lịch trả nợ này. Mục đích của khoản vay này là dùng để Đầu tư dự án dây chuyền 2.

Lãi vay được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết như sau:

Đối với phần lãi phải trả lũy kế đến cuối năm 2016 sẽ được phân bổ để trả từ năm 2020 đến năm 2026;

Đối với lãi vay phát sinh hàng năm từ năm 2017 đến năm 2035 sẽ được phân bổ để trả theo kế hoạch dòng tiền từ năm 2022 đến năm 2035. Phần lãi phát sinh còn lại chưa trả sẽ được thanh toán hết vào năm 2035.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

18. Vay (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Số lượng	Giá trị 31/12/2023	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
XMCT1209	182.849	182.849.480.000	25/12/2009	25/12/2033
XMCT0510_5	355.000	355.000.000.000	21/05/2010	21/05/2033
XMCT0510_8	345.000	345.000.000.000	21/05/2010	21/05/2033
XMCT1210_1500	1.500.000	1.500.000.000.000	24/12/2010	24/12/2033
Cộng	2.382.849	2.382.849.480.000		

Theo công văn số 9507/TGD-NHCT52.2 của Vietinbank- CN TP. HCM ngày 19/6/2017 về việc cơ cấu thời hạn trả nợ gốc, lãi khoản vay dài hạn, trái phiếu đầu tư dự án dây chuyền II nhà máy Xi măng Công Thanh, Công ty phải thanh toán nợ gốc vay dài hạn (bao gồm cả gốc khoản vay và gốc trái phiếu) đến hết năm 2035 dựa trên phụ lục lịch trả nợ sau khi cơ cấu. Đối với nợ lãi vay dài hạn (bao gồm cả lãi khoản vay và lãi trái phiếu), công ty phải thanh toán theo lịch sau:

+ Đối với lãi vay phải trả lũy kế đến cuối năm 2016: được phân bổ trả từ năm 2020 đến hết năm 2026;

+ Đối với lãi vay phát sinh hàng năm từ năm 2017 đến năm 2035: được phân bổ và trả theo kế hoạch dòng tiền từ năm 2022 đến năm 2035. Phần lãi phát sinh còn lại chưa trả do chênh lệch giữa lãi phát sinh thực tế với số tiền trả nợ theo lịch cơ cấu sẽ được trả vào năm 2035.

19. Vốn góp của chủ sở hữu

a) Số lượng cổ phiếu phổ thông	Năm 2023	Năm 2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2023		Năm 2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Nguyễn Công Lý	51.481.827	57,2%	51.481.827	57,2%
Công ty Cổ Phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai	9.000.000	10,0%	9.000.000	10,0%
Financiere Lafarge SA	4.502.000	5,0%	4.502.000	5,0%
Các Cổ đông khác	25.016.173	27,8%	25.016.173	27,8%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.000.000	100%	90.000.000	100%

c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	90.000.000	900.000.000.000

20. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lỗ sau thuế lũy kế	Tổng cộng
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	900.000.000.000	(4.898.103.226.239)	(3.998.103.226.239)
Lỗ trong năm		(1.181.768.999.715)	(1.181.768.999.715)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	900.000.000.000	(6.079.872.225.954)	(5.179.872.225.954)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	900.000.000.000	(6.079.872.225.954)	(5.179.872.225.954)
Lỗ trong năm		(1.825.773.554.511)	(1.825.773.554.511)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	900.000.000.000	(7.905.645.780.465)	(7.005.645.780.465)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

21. Lỗ trên cổ phiếu

a) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm 2023	Năm 2022
Lỗ thuần phân bổ cho các cổ đông	(1.825.773.554.511)	(1.181.768.999.715)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(20.286)	(13.131)

b) Lỗ suy giảm trên cổ phiếu

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lỗ phân bổ cho các cổ đông chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lỗ suy giảm trên cổ phiếu bằng với lỗ cơ bản trên cổ phiếu.

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại	Cuối năm	Đầu năm
USD	27.098,75	35.134,88
EUR	6.705,93	6.705,93

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Cuối năm	Đầu năm
Xóa sổ các khoản nợ không thu hồi được	30.263.096.563	30.263.096.563

c) Cam kết thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Dưới 01 năm	28.320.000.000	-
Từ 01 năm đến 5 năm	42.480.000.000	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	70.800.000.000	-

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	455.517.663.238	1.580.587.358.321
Doanh thu thuần về bán xi măng	273.639.316.399	885.499.007.449
Doanh thu thuần về bán clinker	181.878.346.839	695.088.350.872
Doanh thu thuần về bán nguyên vật liệu	4.555.334.252	13.687.070.255
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	23.335.349.793	1.403.425.926
Cộng	483.408.347.283	1.595.677.854.502

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh Mục V.34) như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH Thương Mại Xi Măng Công Thanh -Khu vực Miền Nam	57.316.851.500	484.283.616.150
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xi Măng Công Thanh Miền Bắc	526.209.800	25.038.810.000
Công ty Cổ phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai	9.646.047.737	23.439.526.458
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Công Thanh	6.867.383.192	3.264.760.854
Cộng	74.356.492.229	536.026.713.462

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của thành phẩm đã bán	493.303.120.487	1.577.048.690.731
Giá vốn xi măng đã bán	278.656.303.578	891.280.467.030
Giá vốn clinker đã bán	214.646.816.909	685.768.223.701
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	2.264.888.841	17.895.307.140
Chi phí khấu hao, lương và chi phí khác khi tạm dừng sản xuất	233.990.411.601	154.020.205.020
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	25.238.597.738	-
Cộng	754.797.018.667	1.748.964.202.891

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.618.463	1.291.157.217
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	845.493.193	5.953.472.616
Cộng	851.111.656	7.244.629.833

26. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	1.454.244.965.614	823.651.613.628
Chi phí /(hoàn nhập) chiết khấu thanh toán	-	11.724.208.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.585.553	933.147.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.706.618.994	1.354.152.857
Khác	16.168.793	48.599.353
Cộng	1.457.054.338.953	837.711.721.878

27. Chi phí bán hàng

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên bán hàng	1.794.650.828	3.689.846.534
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	1.230.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	126.329.932	260.203.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	921.834.806	950.422.596
Chi phí vận chuyển	17.626.037.636	60.753.122.447
Chi phí bằng tiền khác	5.876.637.943	1.861.662.692
Cộng	26.345.491.145	68.745.257.707

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	15.640.415.327	23.284.198.588
Chi phí công cụ dụng cụ	4.268.913.291	918.807.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.427.957.095	4.482.687.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.731.736.164	13.053.805.132
Phí tư vấn	492.929.455	342.497.000
Công tác phí	3.894.090.538	941.403.502
Các khoản chi phí bằng tiền khác	30.429.481.313	46.876.098.800
Cộng	67.885.523.183	89.899.497.944

29. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Thường xuất hàng đúng tiến độ	-	1.489.995.225
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	100.000.000	11.616.162
Xóa sổ các khoản phải trả	3.440.122.054	-
Thu nhập từ nhượng quyền thương mại	4.500.000.000	-
Thu nhập khác	512.269.138	334.250.163
Cộng	8.552.391.192	1.835.861.550

30. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí phạt chậm nộp thuế	155.370.783	249.773.320
Các khoản phạt khác	135.000.000	3.900.000
Các khoản chi phí khác	12.212.661.910	40.952.991.860
Cộng	12.503.032.693	41.206.665.180

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo khoản 1 Điều 14, Quyết định Số 102/2006/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2006 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu Kinh tế Nghi Sơn và Các Khu Công nghiệp Tỉnh Thanh Hóa. Công ty được hưởng thuế suất TNDN 10% trong 15 năm kể từ khi có dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Dự án Nhà máy Xi măng Công Thanh - Giai đoạn 1 (Dây chuyền 1)

Bắt đầu hoạt động kinh doanh và có thu nhập chịu thuế từ năm 2008, được miễn thuế TNDN trong 4 năm từ 2008 đến năm 2011, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo từ năm 2012 đến năm 2020, được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% từ năm 2021 đến 2022 và chịu thuế suất thuế TNDN phổ thông từ năm 2023 trở đi.

Dự án Nhà máy Xi măng Công Thanh - Giai đoạn 2 (Dây chuyền 2)

Công ty lựa chọn áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo dự án đang hoạt động Dây chuyền 1.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác chịu mức thuế suất áp dụng theo các quy định thuế hiện hành.

Số thuế trên lỗ trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất ưu đãi áp dụng như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Lỗ kế toán trước thuế	(1.825.773.554.511)	(1.181.768.999.715)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	40.210.220.361	82.999.945.870
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của tiền năm nay	(39.194.367)	(95.883.413)
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại của tiền năm trước	95.883.413	-
Chi phí lãi vay không được trừ	1.454.244.965.614	823.651.613.628
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

	Năm 2023	Năm 2022
32. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	310.342.089.240	938.111.738.251
Chi phí khấu hao TSCĐ	276.683.277.640	306.978.031.974
Chi phí vận chuyển	72.524.100.856	219.455.255.175
Chi phí điện	57.981.249.424	117.791.162.701
Chi phí gia công	24.226.868.609	121.339.281.950
Chi phí nhân viên	37.052.492.528	64.532.552.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.837.326.198	77.295.579.242
Chi phí khác bằng tiền	39.026.650.833	63.670.121.144
Cộng	845.674.055.328	1.909.173.722.455

33. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Xuất khẩu	Nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần	113.516.752.639	369.891.594.644	483.408.347.283
Giá vốn	(183.233.490.948)	(571.563.527.719)	(754.797.018.667)
Lợi nhuận gộp	(69.716.738.309)	(201.671.933.075)	(271.388.671.384)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Xuất khẩu	Nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần	686.842.950.607	908.834.903.895	1.595.677.854.502
Giá vốn	(685.768.223.701)	(1.063.195.979.190)	(1.748.964.202.891)
Lợi nhuận gộp	1.074.726.906	(154.361.075.295)	(153.286.348.389)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất và kinh doanh clinker, xi măng và các sản phẩm liên quan là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

34. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm cổ đông lớn, những nhân sự quản lý chủ chốt trong Ban Tổng Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát và các bên liên quan khác.

Các bên liên quan khác là những doanh nghiệp do các nhân sự quản lý chủ chốt là thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quyền biểu quyết quan trọng hoặc thông qua việc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty.

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương Mại Xi Măng Công Thanh -Khu vực Miền Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xi Măng Công Thanh Miền Bắc	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Công Thanh	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Intelligent City (*)	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Bê Tông Công Thanh Hà Nội	Bên liên quan khác
Công ty Cổ Phần Bê Tông Công Thanh	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Bê Tông Công Thanh Sài Gòn	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Vận Tải An Tôn	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Tina	Bên liên quan khác
Bà Nguyễn Thị Hoàng Thi	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huệ	Bên liên quan khác
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Lê Thị Diễm Phương	Trưởng ban kiểm soát
Bà Ngô Thị Sơn ca	Thành viên ban kiểm soát
Bà Trịnh Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát

(*) Công ty Cổ phần Intelligent City trước đây là Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh Khánh Hòa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

34. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH Thương Mại Xi Măng Công Thanh -Khu vực Miền Nam	57.316.851.500	484.283.616.150
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xi Măng Công Thanh Miền Bắc	526.209.800	25.038.810.000
Công ty Cổ phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai	9.646.047.737	23.439.526.458
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Công Thanh	6.867.383.192	3.264.760.854
Cộng	74.356.492.229	536.026.713.462

Mua hàng hóa và dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Công ty Cổ phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai	15.100.540.393	121.339.281.950
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Công Thanh	17.213.625.000	32.878.632.724
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xi Măng Công Thanh Miền Bắc	80.000.000	220.000.000
Công ty Cổ phần Bê Tông Công Thanh Hà Nội	1.655.280.000	1.655.280.000
Cộng	34.049.445.393	156.093.194.674

Hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Mượn tiền bổ sung vốn lưu động từ bà Nguyễn Thị Dạ Thảo	19.400.000.098	2.000.000.000
Thanh toán các khoản mượn tiền bà Nguyễn Thị Dạ Thảo	-	(10.100.000.000)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	-	-
Thu nhập của Ban Kiểm soát	-	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	275.000.000	300.000.000
<i>Bà Nguyễn Thị Hoàng Thi</i>	275.000.000	300.000.000

Các khoản công nợ với các Bên liên quan tại ngày 31/12/2023 như sau:

Phải thu khách hàng	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ Phần Bê Tông Công Thanh	54.401.444.430	54.401.444.430
Công ty TNHH Bê Tông Công Thanh Sài Gòn	14.222.511.950	14.222.511.950
Công ty Cổ Phần Bê Tông Công Thanh Hà Nội	9.943.280.773	11.747.535.973
Công ty TNHH Thương Mại Xi Măng Công Thanh- Khu Vực Miền Nam	46.282.295.603	48.773.408.750
Cộng	124.849.532.756	129.144.901.103

Trả trước người bán

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ Phần Vận tải An Tôn	38.275.807.971	41.775.807.971
Cộng	38.275.807.971	41.775.807.971

Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ Phần Nhiệt điện Công Thanh	27.835.464.410	27.835.464.410
Công ty Cổ Phần Bê tông Công Thanh	19.528.515.366	19.528.515.366
Công ty Cổ Phần Vận Tải An Tôn	13.357.855.956	13.357.855.956
Cộng	60.721.835.732	60.721.835.732

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

34. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

	31/12/2023	01/01/2023
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Intelligent City	22.483.999.445	22.483.999.446
Cộng	22.483.999.445	22.483.999.446
Phải trả người bán		
Công ty Cổ Phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai	279.616.881.901	291.986.939.979
Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Công Thành	24.160.270.914	17.643.855.924
Cộng	303.777.152.815	309.630.795.903
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Intelligent City	37.150.000.000	37.150.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xi Măng Công Thành Miền Bắc	3.213.569.999	5.007.434.211
Cộng	40.363.569.999	42.157.434.211
Phải trả ngắn hạn khác		
Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo	33.650.000.098	14.250.000.000
Công ty TNHH Tina	3.578.000.000	3.578.000.000
Bà Nguyễn Thị Huệ	10.244.000.000	10.244.000.000
Cộng	47.472.000.098	28.072.000.000
Phải trả dài hạn khác		
Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo	326.000.000.000	326.000.000.000
Cộng	326.000.000.000	326.000.000.000

35. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 08 tháng 5 năm 2024.

Nguyễn Thị Thùy Vy Người lập biểu Ngày 08 tháng 5 năm 2024	Trà Minh Hoan Kế toán trưởng	Nguyễn Thị Hoàng Thi Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CÔNG THÀNH

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 05 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hoàng Thi

